

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG
CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
cấp ngày 20 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29 tháng 08 năm 2006)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận chào bán số: /ĐKCB
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2007)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1- Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Số điện thoại: 0321-942.427 **Fax:** 0321-942.226

2- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.
Số điện thoại: 04-9.360.024 **Fax:** 04-9.360.263

Chi nhánh: Số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 08-8.208.116 **Fax:** 08-8.208.117

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Nguyễn Thanh Hà
Chức vụ: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thép Việt Ý
Số điện thoại: 0321-942.315 **Fax:** 0321-942.469

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29 tháng 08 năm 2006)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Việt Ý
Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phiếu (Mười ngàn đồng Việt Nam)
Tổng số lượng chào bán : 5.000.000 cổ phiếu (Năm triệu cổ phiếu)

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH



VCBS

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.
Số điện thoại: 04-9.360.024 Fax: 04-9.360.263
Website: www.vcbs.com.vn
Email: vcbsecurities@vietcombank.com.vn
Chi nhánh: Số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 08-8.208.116 Fax: 08- 8.208.117

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại: 08-8.524.123 Fax: 08-8.524.143
Website: www.vacodtt.com



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	6
1. RỦI RO NỀN KINH TẾ.....	6
2. RỦI RO LUẬT PHÁP.....	6
3. RỦI RO ĐẶC THÙ	7
4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12
2. MỘT SỐ THÔNG TIN CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý.....	12
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	14
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	18
5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA VISCO; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ.....	22
6. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	24
7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	24
8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT	37
9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	38
10. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG	42
11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	44

12.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	44
13.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT	51
14.	TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	67
15.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	67
16.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	67
17.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	68
18.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	68
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	70
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	73
1.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	73
2.	PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	73
VII.	SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	75
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	76
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	76
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	76
IX.	PHỤ LỤC.....	77

DANH MỤC BẢNG, BIỂU VÀ SƠ ĐỒ**Bảng**

Bảng 1. Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 15/02/2007.....	22
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/02/2007.....	23
Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/02/2007	23
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu VISCO 2005 - 2006	26
Bảng 5. Các yếu tố cấu thành của giá thành sản phẩm.....	28
Bảng 6. Chỉ tiêu tiêu hao chính trong sản xuất hàng năm	29
Bảng 7. Một số thành tích đã đạt được	33
Bảng 8. Một số hợp đồng mua nguyên vật liệu đang thực hiện	35
Bảng 9. Một số hợp đồng phân phối đang thực hiện	36
Bảng 10. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 và 2006	37
Bảng 11. Kế hoạch phát triển ngành thép đến năm 2010	39
Bảng 12. So sánh sản lượng và thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép.....	40
Bảng 13. Phân tích SWOT của Công ty	41
Bảng 14. Trình độ lao động của VISCO tại thời điểm 31/12/2006	42
Bảng 15. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty	44
Bảng 16. Thời gian khấu hao TSCĐ.....	45
Bảng 17. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.....	45
Bảng 18. Tình hình trích lập các quỹ.....	46
Bảng 19. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2006	46
Bảng 20. Dư nợ vay (tại thời điểm 31/12/2006).....	46
Bảng 21. Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn (tại thời điểm 31/12/2006)	47
Bảng 22. Chi tiết dư nợ vay dài hạn (tại thời điểm 31/12/2006)	47
Bảng 23. Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2006.....	48
Bảng 24. Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng (tại thời điểm 31/12/2006).....	48
Bảng 25. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	50
Bảng 26. Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2006	67
Bảng 27. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007	67
Bảng 28. Tổng mức đầu tư của dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Hải Phòng.....	73
Bảng 29. Một số chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh tế của dự án nhà máy sản xuất phôi.....	74
Bảng 30. Nguồn huy động vốn cho dự án nhà máy sản xuất phôi thép	74
Bảng 31. Một số cam kết hạn mức tín dụng cho dự án nhà máy sản xuất phôi thép.....	74
Bảng 32. Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	76

Biểu

Biểu 1. Diễn biến lãi suất bình quân liên ngân hàng loại kỳ hạn 6 tháng đối với VNĐ.....	7
Biểu 2. Tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ.....	7

Sơ đồ

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức VISCO	14
Sơ đồ 2. Cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty.....	19



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. RỦI RO NỀN KINH TẾ

Sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất thép phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng nói riêng. Hiện Việt Nam đang trong quá trình đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được triển khai. Do đó nhu cầu tiêu dùng thép trong tương lai là rất lớn.

Trên thực tế những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2003 đạt 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 là 8,4% và năm 2006 đạt 8,7%. Đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP là ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng hơn 40% tốc độ tăng trưởng. Theo nhận định của các chuyên gia phân tích kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2007 sẽ tiếp tục tăng trưởng và duy trì ở mức cao từ 8,2% - 8,7%/năm.

Đặc biệt hiện nay, Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, nền kinh tế Việt Nam đã và đang đón nhận nhiều làn sóng đầu tư với các dự án lớn về công nghiệp và xây dựng được triển khai. Với việc đón nhận các làn sóng đầu tư, nhu cầu thép chất lượng cao phục vụ của các công trình lớn sẽ gia tăng đáng kể. Vì vậy theo Công ty, rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một Công ty cổ phần nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

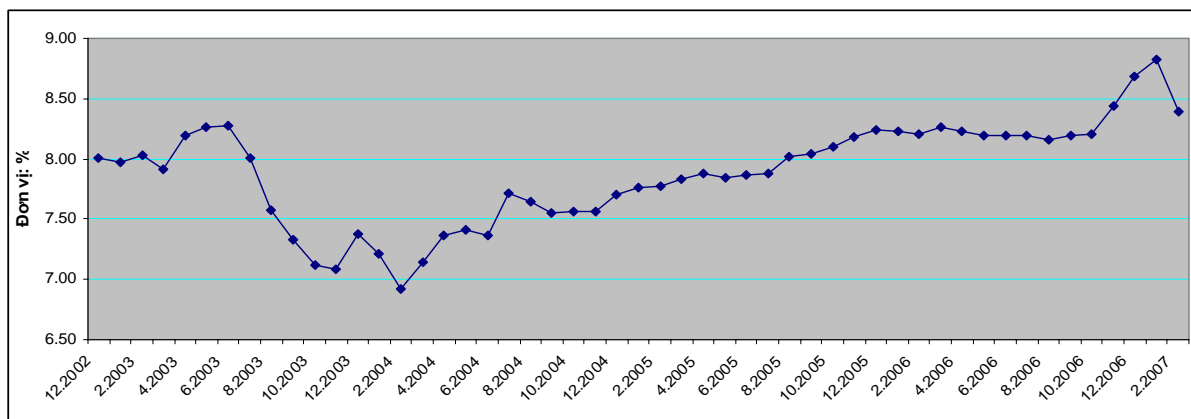
Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của VISCO. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

3.1 Rủi ro lãi suất

Để duy trì cũng như để đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên phải vay vốn của các tổ chức tín dụng. Nhu cầu vốn lưu động nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu vốn dài hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển là lớn. Do đó, lãi suất thị trường tăng một mặt làm tăng chi phí vay vốn của Công ty.

Biểu 1. Diễn biến lãi suất bình quân liên ngân hàng loại kỳ hạn 6 tháng đối với VND

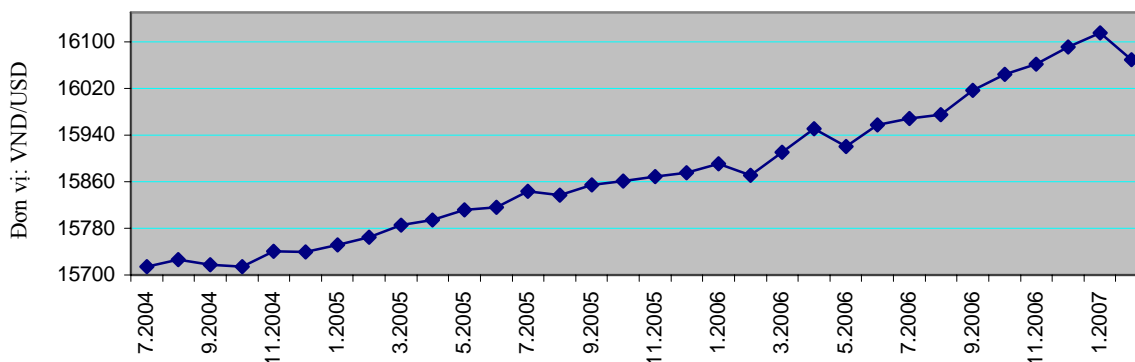


Nguồn: - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

3.2 Rủi ro tỷ giá

Do Công ty thường xuyên phải nhập khẩu phôi thép từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái có tác động không nhỏ tới giá nguyên vật liệu đầu vào và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho việc nhập khẩu phôi thép. Bên cạnh đó, Công ty có quan hệ uy tín với các Tổ chức tín dụng nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ luôn được đảm bảo và sử dụng linh hoạt.

Biểu 2. Tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ



Nguồn: www.sbv.gov.vn

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Tính đến cuối năm 2006, nhu cầu thép cả nước đạt 3,4 triệu tấn. Trong khi đó năng lực sản xuất cả nước đã lên tới khoảng 6 triệu tấn, với các công ty sản xuất thép phía bắc như: thép Thái Nguyên, thép Việt Úc, thép Việt Hàn, thép Hòa phát, thép Việt Nhật, thép Nam Đô, thép Vinakansai, thép Pomihóa, thép Vinakyoei, thép Miền nam, thép Pomina.... Thực tế này cho thấy lượng cung đã vượt xa nhu cầu thép, song nhiều nhà máy vẫn tiếp tục sản xuất và giành giật thị trường nhằm mở rộng thị phần và tồn tại. Trước sự cạnh tranh gay gắt này, Công ty đã chủ động đầu tư đổi mới máy móc, tìm cách hạ giá giá thành, nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm để tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Hiện nay, thép xây dựng của Trung Quốc, đặc biệt là thép cuộn giá rẻ của Trung Quốc đang xâm nhập vào thị trường Việt Nam gây ảnh hưởng bất lợi tới các công ty sản xuất thép trong nước. Trong khi các công ty sản xuất thép cán trong nước vẫn phụ thuộc chủ yếu từ nguồn phôi thép nhập từ nước ngoài (chủ yếu là từ Trung Quốc) thì sự cạnh tranh của các sản phẩm thép xây dựng có nguồn gốc từ Trung Quốc sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty sản xuất thép cán nói chung và của Công ty cổ phần Thép Việt Ý nói riêng.

3.2 Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là phôi thép (chiếm 90% giá thành sản phẩm) và phải nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thép thế giới. Từ khi ký hợp đồng mở LC đến khi hàng về đến Công ty thường mất một khoảng thời gian là 2 tháng. Nếu trong thời gian này giá phôi thép trên thị trường thế giới liên tục biến động tăng giảm không theo chu kỳ sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục tiêu của việc phát hành cổ phiếu huy động thêm vốn của Công ty cổ phần Thép Việt Ý năm 2007 là nhằm xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép với công suất 400.000 tấn/năm tại khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Công nghệ sử dụng tại nhà máy là công nghệ lò điện hồ quang nạp liệu liên tục ngang thân lò (công nghệ Consteel do tập đoàn Techint giữ bản quyền). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới với quá trình nấu luyện ngắn, cho năng suất cao, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như: điện năng, than điện cực, gạch chịu lửa, tiêu hao kim loại ... đều thấp hơn so với lò





điện thông thường. Đặc biệt, chi phí nấu luyện giảm từ 8 - 10 USD/tấn phôi tạo sức cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp.

Sản phẩm của nhà máy phôi thép dự kiến bao gồm phôi thép các loại: 20MnSi, 25MnSi, 42MnSi, 45MnSi, Q215 - A234 có mặt cắt 130 x 130; dài 6 m, 12 m. Như vậy, việc xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép này không chỉ nhằm tạo sức cạnh tranh cho Công ty mà còn đem lại cho VISCO sự chủ động và ổn định lâu dài trong hoạt động sản xuất kinh doanh thép cán và giúp VISCO đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi tại Hải Phòng đang bước đầu được VISCO triển khai thực hiện. Dự kiến, nhà máy sẽ được tiến hành chạy thử vào khoảng tháng 7 - 8/2008. Như vậy, tổng khối lượng thời gian xây dựng nhà máy dự kiến là 2 năm. Cho tới khi nhà máy được nghiệm thu và đi vào hoạt động ổn định, VISCO mới có thể khai thác được hiệu quả kinh tế từ nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

-  Ông **Vũ Huy Quang** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
-  Ông **Đình Văn Vi** Chức vụ: Tổng Giám đốc
-  Ông **Nguyễn Thanh Hà** Chức vụ: Kế toán Trưởng
-  Bà **Phùng Minh Bằng** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

-  Bà **Nguyễn Thị Bích Liên** Chức vụ: Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành với Công ty cổ phần Thép Việt Ý. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thép Việt Ý cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK Hồ Chí Minh	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tổng Công ty	Tổng Công ty Sông Đà
Công ty	Công ty cổ phần Thép Việt Ý
Nhà máy	Nhà máy Thép Việt Ý
Tổ chức tư vấn/VCBS	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
VISCO/VIS	Tên viết tắt tiếng Anh của Công ty cổ phần Thép Việt Ý
Vietcombank	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
Incombank	Ngân hàng Công thương Việt Nam
TMCP	Thương mại cổ phần
Điều lệ công ty	Điều lệ của Công ty cổ phần Thép Việt Ý được thông qua ngày 25/10/2006
CN	Công nghiệp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BQL	Ban quản lý
TMCP	Thương mại cổ phần
TCVN 6285:1997	Tiêu chuẩn của Việt Nam về thép cốt bê tông - thép thanh vằn
TCVN 1651:1985	Tiêu chuẩn của Việt Nam về thép cốt bê tông cán nóng
JIS G3112 - 1987	Tiêu chuẩn của Nhật Bản về thép cốt bê tông cán nóng
JIS G3505-1980	Tiêu chuẩn của Nhật Bản cho thép tròn trơn cán nóng
ASTM A615/A615M	Tiêu chuẩn của Mỹ về thép thanh tròn trơn và thanh vằn dành cho thép cốt bê tông
BS4449 - 1997	Tiêu chuẩn của Anh về thép cốt bê tông
T	tấn
Tsp	Tấn sản phẩm
QTB (Quenching)	Hệ thống xử lý nhiệt sau cán
NVL	Nguyên vật liệu
KH	Kế hoạch

- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0321-942.427
- Fax: 0321-942.226
- Tài khoản: 46610000003420 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phố Nối, tỉnh Hưng Yên

2.2 Vốn hoạt động

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng Việt Nam chẵn)
- Vốn cổ phần: 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần)

2.3 Hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 1748/QĐ-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ngày 26/12/2003 về việc chuyển đổi (cổ phần hoá) doanh nghiệp Nhà nước thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/08/2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Hưng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 06 lần, lần lượt như sau:

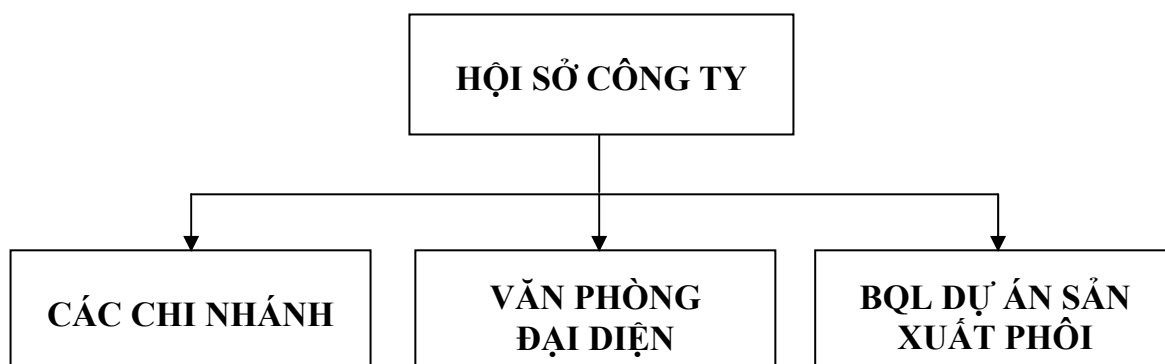
- Lần 1 (29/06/2004): Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng; Đăng ký văn phòng đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hà Nội;
- Lần 2 (18/11/2004): Đăng ký chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Sơn La; Đăng ký lại địa chỉ văn phòng đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hà Nội;
- Lần 3 (01/06/2005): Tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng;
- Lần 4 (10/02/2006): Thay đổi chữ ký của Tổng Giám đốc;
- Lần 5 (04/04/2006): Bổ sung chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng;
- Lần 6 (29/08/2006): Thay đổi tên chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Sơn La thành chi nhánh Tây Bắc.

2.4 Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt - Ý (VISCO);
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức VISCO



3.1 Hội sở chính của Công ty

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0321-942.887
- Fax: 0321-942.226

Hội sở chính là trung tâm điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty. Tại Hội sở chính có các phòng ban với chức năng cơ bản như sau:

3.1.1 *Phòng Tổ chức hành chính:*

- Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức thi nâng bậc công nhân kỹ thuật, tổ chức sắp xếp nhân lực;
- Thực hiện công tác định mức lao động, tiền lương, chế độ chính sách, bảo hiểm cho người lao động;
- Duy trì và phát huy hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000;
- Thực hiện công tác quản trị hành chính, văn phòng, đời sống cán bộ công nhân viên, tổ bảo vệ.

3.1.2 Phòng kế hoạch đầu tư:

- Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực điều hành sản xuất, kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong quản lý kinh tế, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản;
- Tiến hành phân tích hoạt động kinh tế, xây dựng các quy chế quản lý kinh tế nội bộ Công ty.

3.1.3 Phòng công nghệ và nghiên cứu phát triển:

Tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực:

- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ, vật liệu, quy trình mới để sản xuất ra các sản phẩm có mẫu mã đa dạng có chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí đồng thời tăng hiệu quả sản xuất;
- Quản lý thiết bị;
- Quản lý cơ điện gồm các lĩnh vực: Cơ khí, điện - tự động hoá, đo lường;
- Công tác đào tạo;
- Kỹ thuật công nghệ, sáng kiến tiết kiệm;
- Lĩnh vực an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Công tác quản lý cơ giới.

3.1.4 Phòng tài chính kế toán:

Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính tín dụng, kế toán của Công ty, quản lý tài sản cố định, kiểm tra giám sát mọi hoạt động liên quan đến tài chính tín dụng của Công ty. Nội dung cơ bản bao gồm:

- Hàng tháng lập kế hoạch tài chính cho Công ty;
- Lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty;
- Xây dựng quy chế thanh toán nội bộ;
- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vốn;
- Phối hợp với Phòng kế hoạch đầu tư để xây dựng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

- Thực hiện công tác kế toán vật tư;
- Thực hiện công tác kế toán thành phẩm;
- Theo dõi và quản lý tài sản cố định của Công ty;
- Thực hiện công tác kế toán tiền lương, bảo hiểm và các khoản chi phí khác cho người lao động;
- Tổ chức thực hiện mạng lưới thống kê.

3.1.5 Phòng kinh doanh:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề:

- Xây dựng định hướng Marketing, mô hình bán hàng, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách phục vụ công tác tiêu thụ thép trong từng thời kỳ, kế hoạch quảng cáo và xây dựng thương hiệu thép VIS, tiêu thụ sản phẩm thép VIS và thu hồi công nợ;
- Thực hiện công tác quảng cáo, xây dựng thương hiệu thép VIS theo định hướng của Công ty;
- Tiến hành thực hiện các biện pháp nghiệp vụ về quản lý chất lượng sản phẩm (phòng thí nghiệm VILAS 114);
- Giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác khách hàng.

3.1.6 Phòng hợp tác quốc tế:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về các vấn đề:

- Tìm hiểu thông tin của thị trường phôi thép, thị trường thép trong và ngoài nước liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để đưa ra định hướng phát triển phù hợp trong từng thời kỳ;
- Đề xuất các phương án giải quyết thực hiện trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;
- Nhập khẩu phôi thép, phế liệu luyện phôi thép và thiết bị, phụ tùng từ nước ngoài;
- Quản lý vật tư, mua vật tư, đặt hàng trong nước, quản lý kho bãi...

Ngoài ra, tại Hội sở chính của Công ty còn có các phân xưởng sản xuất sản phẩm bao gồm: xưởng cán, xưởng cơ điện, xưởng sản xuất phụ.

3.1.7 Phòng Quản lý Dự án

- Làm thủ tục đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép đã được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao cho;
- Liên hệ làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, các Sở, ban, ngành chức năng để thực hiện được dự án;
- Phối hợp với các đơn vị có năng lực thực hiện dự án để đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ, đúng quy định của Nhà nước về đầu tư.

3.2 Các chi nhánh

3.2.1 Chi nhánh Tây Bắc

- Địa chỉ: Khu CN Chiềng Sinh, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
- Điện thoại: 022-210.457
- Fax: 022-214.469

Chức năng chính:

- Thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo Ủy quyền;
- Liên hệ với các Sở, ban, ngành của các tỉnh phía Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai...) nhằm thực hiện nội dung công việc được giao;
- Thiết lập, tổ chức mạng lưới tiêu thụ thép VIS.

3.2.2 Chi nhánh Đà Nẵng

Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: Lô 14, khu Vận tải II, đường Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511-920.236
- Fax: 0511-920.318

Văn phòng bán hàng của chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: 453 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08-9.713.827

Chức năng chính của chi nhánh:

- Thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo Ủy quyền;
- Liên hệ với các Sở, ban, ngành của thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Thiết lập, tổ chức mạng lưới tiêu thụ thép VIS.

Ngoài ra chi nhánh Đà Nẵng còn có văn phòng bán hàng tại thành phố Hồ Chí Minh:

3.3 Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17 T4, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 04-2.511.091
- Fax: 04-2.511.090

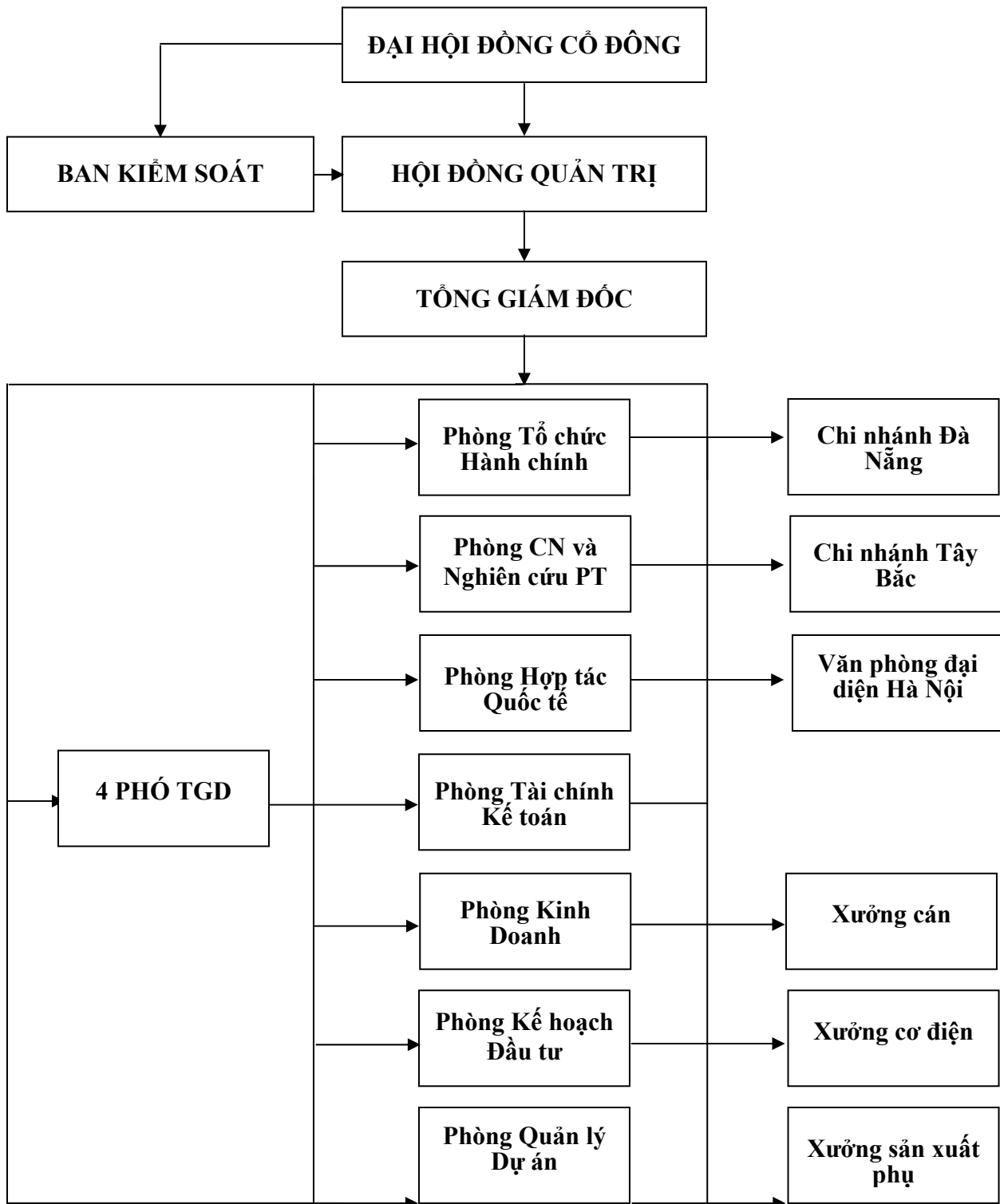
Chức năng chính:

- Tổ chức quản lý, hỗ trợ bán hàng;
- Bán hàng trực tiếp và bán hàng nội bộ Tổng Công ty;
- Thu hồi công nợ;
- Nghiên cứu thị trường và quảng cáo, xây dựng thương hiệu thép VIS;
- Quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện các công tác khác...

4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Bộ máy hoạt động của Công ty được hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2. Cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty



Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2006, được sửa đổi theo Mẫu Điều lệ Công ty niêm yết.

4.1 Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2 Hội đồng quản trị

Số thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ tối đa 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- Kiến nghị mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định;

- Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.4 Ban giám đốc:

Ban Giám đốc gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động theo thông lệ quản lý tốt nhất, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo Điều lệ và luật định;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA VISCO; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ¹

Vốn cổ phần tính đến ngày 15/02/2007 là 100.000.000.000 VNĐ, được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

Bảng 1. Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 15/02/2007

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn cổ phần (%)	Loại cổ phần
1.	Pháp nhân ²	08	93.839,6	93,8	Phổ thông
2.	Thể nhân	322	6.160,4	6,2	Phổ thông
TỔNG		330	100.000	100%	Phổ thông

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

¹ Tính đến thời điểm 15/02/2007.

² Trong đó cổ đông Nhà nước có tổng mệnh giá cổ phần là 44.968,2 triệu đồng với tỷ lệ 44,97% tổng vốn cổ phần.

5.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/02/2007

STT	Cổ đông	Tỷ trọng vốn góp (%)	Vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần phổ thông
1.	Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông Nhà nước) <i>Địa chỉ:</i> Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	44,97	44.968,2	4.496.820
2.	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà <i>Địa chỉ:</i> Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà Nội	33,16	33.162,9	3.316.290
3.	Công ty cổ phần Sông Đà 12 <i>Địa chỉ:</i> Lô 1, khu G, đường Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	7,07	7.066,1	706.610

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

5.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/02/2007

STT	Cổ đông	Tỷ trọng vốn góp (%)	Vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần phổ thông
1.	Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông Nhà nước) <i>Địa chỉ:</i> Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội <i>Đại diện bởi:</i> Vũ Huy Quang <i>Địa chỉ:</i> Số 2, Ngõ 62 Triều Khúc, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	44,97	44.968,2	4.496.820
	Đình Văn Vi <i>Địa chỉ:</i> Số 5, Ngách 10, Ngõ 2, Nguyễn Viết Xuân, Q. Thanh Xuân, Hà Nội			
	Nguyễn Ngọc Thịnh <i>Địa chỉ:</i> 35 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội			
	Đặng Thị Diệu Hương <i>Địa chỉ:</i> Tô 42, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội			

BẢN CÁO BẠCH

2. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	33,16	33.162,9	3.316.290
<i>Địa chỉ:</i> Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà Nội			
3. Công ty cổ phần Sông Đà 12	7,07	7.066,1	706.610
<i>Địa chỉ:</i> Lô 1, khu G, đường Nguyễn Tuân, phường			
4. Công ty cổ phần Sông Đà 9	2,65	2.645,0	264.500
<i>Địa chỉ:</i> Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà			
5. Công ty cổ phần Thủy điện Nà Lơi	2,61	2.612,9	261.290
<i>Địa chỉ:</i> Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ,			
6. Công ty cổ phần Sông Đà 10	2,00	2.000,0	200.000
<i>Địa chỉ:</i> Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà			
7. Công ty cổ phần thương mại và vận tải Sông Đà	1,38	1.382,5	138.250
<i>Địa chỉ:</i> Km. 10 đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Tây			
8. Đinh Văn Vi	0,38	377,3	37.730
<i>Địa chỉ:</i> Số 5, Ngách 10, Ngõ 2, Nguyễn Việt Xuân,			
9. Trần Văn Thạnh	0,18	183,3	18.330
<i>Địa chỉ:</i> 102 Nguyễn Khuyến, Đống Đa, Hà Nội			
TỔNG	94,39	94.398,2	9.439.820

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

6. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

KHÔNG CÓ

7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

VISCO hiện được trang bị một dây chuyền cán thép vào loại hiện đại nhất do tập đoàn Danieli (Ý) cung cấp. Với lợi thế như vậy, VISCO có khả năng cung cấp ra thị trường hàng

năm 250.000 tấn các sản phẩm thép đa dạng và phong phú về chủng loại. Các sản phẩm thép mà VISCO có thể sản xuất theo thiết kế bao gồm các loại thép cuộn \varnothing 5,5 đến \varnothing 12 và thép thanh từ D10 đến D40 được sử dụng làm bê tông, cốt thép chịu lực chính cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng cơ sở... Các sản phẩm của VISCO khi cung cấp ra thị trường luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất của thép xây dựng chất lượng cao như: TCVN 1651 - 1997 (Việt Nam), JIS G3112 (Nhật Bản), ASTM A615/A615M - 00 (Mỹ), BS4449 - 1997 (Anh).

Chỉ sau 4 năm có mặt trên thị trường, các sản phẩm thép của VISCO đã tìm được chỗ đứng trên thị trường và ngày càng khẳng định vị thế của mình. Điều này thể hiện bằng sản lượng tiêu thụ, doanh thu và thị phần của VISCO các năm kể từ 2003 đến nay. Thị phần thép VIS năm 2006 đạt xấp xỉ 5% thị phần toàn quốc.

Với chủ trương tận dụng các phế nguyên liệu bắt buộc, đồng thời đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh từ đó tiến tới tăng doanh thu, lợi nhuận cho toàn công ty, tháng 11/2005, VISCO đã đầu tư xây dựng xưởng luyện cán. Xưởng luyện cán sẽ chuyên sử dụng các phế liệu từ thép để sản xuất ra các sản phẩm như: phôi đúc, thép cán, thép mạ kẽm, các sản phẩm định, lưới B40... Các sản phẩm này sẽ bổ sung thêm vào chủng loại hàng hóa của VISCO và sẽ được phân phối thông qua hệ thống khách hàng sẵn có.

Xưởng đã bắt đầu đi vào hoạt động vào Quý III/2006. Trong giai đoạn sản xuất thử, kết quả sản xuất của xưởng rất khả quan. Chỉ trong quý IV/2006, xưởng đã sản xuất được 150 tấn phôi, 114 tấn thép D10. Các sản phẩm được khách hàng ưa chuộng do giá thành sản phẩm thấp, mẫu mã đẹp.

Tuy vậy, tính đến thời điểm hiện nay thì doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thép cán vẫn chiếm tỷ trọng chính trong tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu từ phế liệu, thu hồi từ cán thép và từ thu nhập bất thường chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trên tổng doanh thu.

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu VISCO 2005 - 2006

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	%
I	Doanh thu từ HĐSXKD	1.125.413.425.834	1.267.776.202.948	99,8%
1	Doanh thu thép thành phẩm	1.081.338.718.259	1.256.574.511.129	98,9%
2	Doanh thu khác ³	44.074.707.575	11.201.691.819	0,9%
II	Thu nhập khác	3.560.656.096	2.773.138.219	0,2%
1	Tiền dầu phế thải, vỏ thùng phi	-	19.047.619	0,0%
2	Tiền khuyến mãi mua ô tô	-	15.000.000	0,0%
3	Tiền hoa hồng mua ô tô	-	99.544.800	0,0%
4	Tiền phạt vi phạm hành chính	-	-	-
5	Tiền mua hồ sơ thầu của khách hàng	3.200.000	-	-
6	Tiền bồi thường bảo hiểm phiêi	412.833	-	-
7	Tiền thuê xe của Công ty	840.000	7.350.000	0,0%
8	Tiền bán xe hỏng	11.520.000	-	-
9	Tiền phạt do hủy hợp đồng	30.000.000	2.632.195.800	0,2%
10	Tiền phân loại giá trị NVL, phụ tùng, nhập lại kho	3.514.683.263	-	-

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

7.2 Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho nhà máy cán thép là phôi thép, vật tư phôi chiếm đến 90% cơ cấu giá thành sản xuất. Trong khi đó, nguồn phôi thép trong nước chủ yếu do các nhà máy gang thép Thái Nguyên, công ty thép miền nam cùng một vài nhà máy nhỏ khác cung cấp với số lượng đáp ứng khoảng 20% nhu cầu của cả nước. Vì vậy, VISCO vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn phôi nhập khẩu từ nước ngoài. Lượng phôi mua từ các đối tác trong nước chiếm khoảng 10% tổng khối lượng phôi mua cả năm.

Trung Quốc và Nga là 2 thị trường cung cấp nguyên liệu phôi chủ yếu của VISCO. Tuy nhiên, phôi nguyên liệu nhập khẩu từ 2 thị trường này thường không ổn định về nguồn hàng nhập và giá nhập, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của VISCO. Ví dụ, trong thời gian vừa qua chính phủ Trung Quốc đã áp dụng biện pháp hạn chế xuất

³ Doanh thu từ phế liệu của thép.

khẩu nguyên liệu bằng cách tăng thuế xuất khẩu lên 10%. Việc này đã làm tăng giá phôi đầu vào đã làm tăng giá thành sản xuất thép của VISCO.

Phải đối mặt với những khó khăn như vậy, VISCO đã đề ra những giải pháp khắc phục về cả ngắn hạn và dài hạn:

- **Cơ cấu lại bộ máy tổ chức:**

Tách bộ phận Xuất nhập khẩu ra khỏi phòng Kinh doanh, sáp nhập với phòng Vật tư để thành lập phòng Hợp tác Quốc tế với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến việc nhập, mua và bán phôi thép;

- **Đầu tư thiết bị và công nghệ sản xuất mới**

Năm 2006, VISCO đã triển khai thử nghiệm việc sản xuất thép từ phôi 150x150 mm. Dây chuyền sản xuất của Công ty và các công ty sản xuất thép khác tại Việt Nam đều được thiết kế để sản xuất với phôi 120x120 mm, 130x130 mm. Tuy nhiên, loại phôi này thường đắt hơn phôi 150x150 mm khoảng từ 5 - 7 USD/tấn. Việc thử nghiệm thành công sản xuất các sản phẩm thép thanh có đường kính từ D14 đến D40 bằng phôi 150x150 mm là một bước đột phá về công nghệ nhằm giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Tìm kiếm nguồn cung cấp phôi ổn định**

VISCO luôn đặt nhiệm vụ việc tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên liệu phôi ổn định về chất lượng và giá cả lên hàng đầu. Nguồn tìm kiếm của VISCO chủ yếu tập trung vào các nước như Trung Quốc, Nga, Ukraina, Nhật bản và một số nước trong khối ASEAN. Các chuyến khảo sát ra nước ngoài đã được cán bộ làm công tác xuất khẩu phân tích và tổng hợp dựa trên các đặc điểm về địa lý và tập quán thương mại của mỗi quốc gia. Đến nay, VISCO đã thiết lập được hàng chục mối nhập khẩu phôi trực tiếp và gián tiếp như: LG International Corp, Daewoo International Corp, IPC Company Ltd, MacSteel International Far East Limited, Chinamerry..

- **Chủ động về nguồn tài chính**

Giá của phôi thép thế giới luôn biến động. Giá phôi thép trung bình hiện nay thường dao động trong mức 380 - 390 USD/tấn, có những thời điểm xuống thấp chỉ còn 348 USD/tấn nhưng cũng có lúc lên cao tới 450 USD/tấn. Do vậy, để chủ động trong thời điểm và khối lượng phôi nhập, VISCO đã thực hiện cân đối nguồn tài chính ngắn hạn và tìm kiếm các nguồn vốn vay.

VISCO đang duy trì mối quan hệ vay - trả tốt với các ngân hàng thương mại có uy tín tại Việt Nam, không có món nào phải gia hạn. Do vậy hiện nay, ngoài nguồn vốn kinh doanh là 100 tỷ đồng, VISCO đang có tổng hạn mức tín dụng với các ngân hàng là 790 tỷ đồng với lãi suất trung bình cho đồng USD là 6,5%/năm và cho đồng Việt Nam là xấp xỉ 1%/tháng. Điều này đã góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo chủ động trong việc mua phôi thép, tận dụng thời cơ khi giá phôi thép giảm, giảm giá thành đầu vào và tăng lợi nhuận cho Công ty.

- **Xây dựng nhà máy phôi tại Hải Phòng**

Trong tháng 7/2006, VISCO đã xúc tiến tìm kiếm nguồn tài trợ để thực hiện dự án xây dựng nhà máy phôi thép Hải Phòng với công suất 400.000 tấn/năm. Nhà máy phôi thép Hải Phòng ra đời không những chỉ phục vụ cho nhu cầu thiếu hụt chung của thị trường trong nước mà trước tiên sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng phôi thép của VISCO từ đó tiến tới ổn định hoạt động sản xuất cũng như hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

7.3 **Chi phí sản xuất**

Bảng 5. Các yếu tố cấu thành của giá thành sản phẩm

		<i>Đơn vị: đồng</i>		
		Năm 2005	Năm 2006	
STT	Chỉ tiêu	Giá trị		%
1	Chi phí nguyên, nhiên liệu trực tiếp	985.797.934.789	1.114.356.971.530	95,1%
2	Chi phí nhân công trực tiếp	4.306.864.808	5.884.173.919	0,5%
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	26.856.036.090	27.137.724.684	2,3%
4	Chi phí khác	17.492.877.384	24.740.325.549	2,1%
-	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>	<i>1.117.966.684</i>	<i>994.229.818</i>	<i>0,1%</i>
-	<i>Chi phí vật liệu</i>	<i>2.801.360.141</i>	<i>9.067.211.732</i>	<i>0,8%</i>
-	<i>Chi phí vật liệu sản xuất</i>	<i>145.405.868</i>	<i>119.223.318</i>	<i>0,0%</i>
-	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>13.293.274.986</i>	<i>14.354.076.830</i>	<i>1,2%</i>
-	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	<i>134.869.705</i>	<i>205.583.851</i>	<i>0,0%</i>
TỔNG		1.034.453.713.071	1.172.119.195.682	100,0%

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

Với cơ cấu cấu thành giá thành sản phẩm của VIS như được trình bày tại bảng 5, có thể thấy chi phí nguyên, nhiên liệu là chi phí chiếm tỷ trọng chính, chiếm tới hơn 95% giá

thành sản phẩm sản xuất. Các chi phí khác bao gồm chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao TSCĐ.... chỉ chiếm khoảng 5% tổng giá thành sản xuất của sản phẩm.

Nguyên, nhiên liệu sử dụng trong hoạt động sản xuất thép cán bao gồm phôi thép, dầu F.O và điện. Tuy nhiên so với chi phí cho phôi thép phôi thép là nguyên vật liệu chính (chiếm khoảng hơn 90% giá thành sản xuất) thì chi phí dầu F.O và điện chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng giá thành.

Bảng 6. Chỉ tiêu tiêu hao chính trong sản xuất hàng năm

	Thiết kế ⁴	2003	2004	2005	2006
Tiêu hao kim loại (tấn/tsp)	1,030	1,048	1,033	1,030	1,030
Tiêu hao dầu (kg/tsp)	28,0	42,5	35,4	34,97	38,86
Tiêu hao điện (KwH/tsp)	95	134,5	113,5	107,11	102

Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh VISCO, 2003 - 2006

Một số chỉ tiêu tiêu hao nhiên liệu năm 2006 có cao hơn so với chỉ tiêu tiêu hao năm 2005. Nguyên nhân là do trong năm 2006, VISCO đã tiến hành thử nghiệm sản xuất thép từ phôi 150x150 mm. Mặc dù tiêu hao nhiên liệu là cao hơn nhưng do giá phôi 150x150 mm rẻ hơn từ 5 - 7 USD/tấn nên về hiệu quả kinh tế, việc sản xuất thép từ phôi 150x150 mm vẫn đem lại lợi nhuận cao hơn cho Công ty.

7.4 Trình độ công nghệ

Dây chuyền cán thép của Công ty được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ toàn bộ bởi hãng hàng đầu thế giới về công nghệ luyện, cán thép Danieli (Ý). Công nghệ trên dây chuyền này có thể khẳng định thuộc loại số 1 của Ý cũng như trên thế giới dựa trên việc áp dụng các thành tựu khoa học hiện đại trong lĩnh vực tự động hoá điều khiển và duy trì độ ổn định của dây chuyền công nghệ trong quá trình sản xuất.

7.4.1 Các thiết bị tự động hoá và điều khiển điện

Việc áp dụng các bộ điều khiển khả trình PLC S7-400 cùng với các phần mềm giao diện điều khiển Window Viewer; Window InTouch và các phần mềm theo dõi, phân tích dữ liệu Fda (Fast Data Analysis) trong quá trình cán, phần mềm phát hiện sửa lỗi TU95... cho phép duy trì tính ổn định của sản phẩm cán.

⁴ Chỉ tiêu tiêu hao trung bình trên 1 tấn sản phẩm.

7.4.2 Các thiết bị trên dây chuyền cán thép

i. Lò nung

Lò nung trong dây chuyền cán thép của VISCO là loại lò nung hiện đại kiểu đáy bước 12 m được nhà thầu cung cấp thiết bị Danieli thiết kế và cung cấp với công suất 50T/giờ. Loại lò nung này có các ưu điểm cơ bản như sau:

- Lò có khả năng tận dụng nhiệt triệt để của sản phẩm cháy đồng thời cung cấp nhiệt từ hai hay nhiều phía đến kim loại và để đảm bảo nung kim loại đồng đều hơn và có khả năng nung phôi có chiều dài đến 12m;
- Dễ điều khiển tốc độ nung kim loại trong phạm vi công suất lò cho phép đảm bảo thành phần hoá học của phôi không bị thay đổi. Lò cho phép giảm lượng vảy sắt tạo ra trong quá trình nung;
- Có thể nung các loại phôi có hình dạng và kích thước khác nhau. Mặt phía dưới của kim loại được loại trừ được các vết xước do trượt trên đáy sinh ra;
- Loại lò nung đáy di động có ưu điểm nổi trội hơn so với các loại lò nung liên tục dùng máy tổng của các dây chuyền cán thép khác ở chỗ có thể ra hết phôi để bảo dưỡng, sửa chữa trong thời gian ngắn;

ii. Máy cán

Hiện Công ty sử dụng loại máy cán có các bộ phận cơ bản bao gồm: (1) mô-tơ, (2) khớp nối, (3) hộp bánh răng, (4) giá cán không khung (housingless stand), hướng dẫn vào/ra.

Các giá cán được bố trí thẳng đứng và nằm ngang xen kẽ nhau để dễ điều chỉnh, tránh bị xoắn trong quá trình cán. Xen kẽ các giá cán là các máy tạo chùng để khử hiện tượng co kéo thép trong quá trình cán

iii. Block cán tinh

Đây là bộ phận quan trọng trong sản phẩm thép dây đáng quan tâm trong thời gian gần đây. Nó có đặc điểm chính là tốc độ cán lớn (80m/s) và được thiết kế lên tới 140m/s. Sản phẩm được cán bằng các bánh cán làm bằng Cacbit Vonfram nên có độ bóng đẹp và đảm bảo đồng đều về đơn trọng. Ưu điểm này đã được thực tế chứng minh bằng việc các hãng chế tạo hiện nay trên thế giới như: Morgan, Danieli, Pomini, Sket... đều sử dụng công nghệ này vào dây chuyền cán thép.

iv. Hệ thống xử lý nhiệt làm nguội thép cán (QTB)

Mục đích của quá trình tôi thép (QTB) để tăng cơ tính của thép vẫn, thậm chí khi sử dụng loại phôi cán có thành phần hóa học thấp. Chỉ bằng việc sử dụng dây chuyền tôi thép với thép carbon hàm lượng thấp sẽ có được đặc tính kỹ thuật cuối cùng của sản phẩm, thậm chí cao hơn khi sử dụng thép hợp kim thấp hơn chi phí sản xuất thấp. Đối với các mác thép khi qua quá trình QTB, độ bền chảy đạt được thường cao hơn 8 - 12%, độ bền kéo 10 - 20% và độ dẫn dài 7 - 11% so với dây chuyền cán thép thông thường không qua hệ thống xử lý nhiệt, qua đó có thể tiết kiệm tới 18% chi phí sản xuất phôi nhờ có hệ thống QTB, trong khi đó đối với thép hợp kim, chi phí phôi chỉ tiết kiệm 8%.

v. Các thiết bị thu thập thành phẩm

Sản phẩm cán được thu thập và đóng bó một cách tự động giúp cho việc tăng năng suất và cải thiện điều kiện lao động của công nhân khu vực thành phẩm.

7.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của Công ty có tuổi đời trẻ và tay nghề. không ngừng học hỏi và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

Với mục tiêu đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, phục vụ tối đa các sản phẩm chất lượng cho các công trình trọng điểm quốc gia hạn chế tối đa hàng hoá phải nhập khẩu. Vì vậy trong thời gian qua công ty đã nghiên cứu thiết kế đưa vào sản xuất sản phẩm mới:

- Tháng 07 năm 2006 đưa trục cán Composite - Cacbit Vonfram vào sản xuất các sản phẩm thay thế cho trục cán gang nhằm nâng cao chất lượng bề mặt và độ ổn định cao đơn trọng tiêu chuẩn, hơn nữa, tăng năng suất, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm.
- Công ty còn nghiên cứu cán thành công các loại thép có đường kính từ D14 - D40 từ phôi thép có kích thước 150x150 mm;
- VISCO đã sản xuất được 681,331 tấn thép loại D40 và các sản phẩm khác có chiều dài theo yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Để chủ động nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất lâu dài, phát triển bền vững của Công ty và mục tiêu đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như làm chủ được thị trường trong giai đoạn hội nhập, nhất là khi Việt Nam gia nhập WTO. Công ty đang bước đầu triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép công suất khoảng 400.000 tấn/năm.

Mục tiêu đầu tư xây dựng của nhà máy là nhằm sản xuất phôi thép các loại 20MnSi, 25MnSi, 42MnSi, 45MnSi, Q215 - A234 có mặt cắt 130 x 130; dài 6 m, 12 m. Công nghệ sử dụng tại nhà máy là công nghệ lò điện hồ quang nạp liệu liên tục ngang thân lò (công nghệ Consteel do tập đoàn Techint giữ bản quyền). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới với quá trình nấu luyện ngắn, cho năng suất cao, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như: điện năng, than điện cực, gạch chịu lửa, tiêu hao kim loại ... đều thấp hơn so với lò điện thông thường. Đặc biệt, chi phí nấu luyện giảm từ 8 - 10 USD/tấn phôi tạo sức cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp.

Tổng mức đầu tư dự kiến là khoảng 596 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư sẽ được Công ty huy động 80% từ nguồn vốn vay và 20% sẽ được huy động bằng việc phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và phát hành thông qua thị trường chứng khoán.

7.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm thép thì chất lượng sản phẩm gắn liền với suất đời của dự án. Vì vậy việc kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm là rất quan trọng.

Với mục tiêu: “Vì sự bền vững cho mọi công trình, vì lợi ích của toàn xã hội, khách hàng là người trả lương cho chúng tôi”, đồng thời tuân thủ mọi quy định của pháp luật Nhà nước và quốc tế, Công ty chủ động giám sát chặt chẽ từ giai đoạn đầu vào, trong quá trình sản xuất đến đầu ra cho cả thị trường, đến tay người tiêu dùng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 (được công nhận chính thức ngày 27-06-2003 do tổ chức BVQI cấp) và ISO/IEC 17025-2001 đối với trạm thí nghiệm mang số hiệu VILAS 114 do văn phòng công nhận chất lượng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp ngày 25-05-2003.

Sản phẩm của công ty đều thực hiện theo tiêu chuẩn trong và ngoài nước, đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng là tốt nhất. Có thể kể đến một số tiêu chuẩn điển hình trong và ngoài nước mà Công ty hiện đang áp dụng:

- Tiêu chuẩn của Việt Nam: TCVN 6285:1997 về thép cốt bê tông - thép thanh vằn; TCVN 1651:1985 về thép cốt bê tông cán nóng;
- Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM/A615M - 95b Standard Specification for Deformed and Plain Billet – Steel Bars for Concrete Reinforcement - Tiêu chuẩn về thép thanh tròn trơn và thanh vằn dành cho thép cốt bê tông.
- Tiêu chuẩn của Đức: DIN 488 Reinforcing Steel Bar, Dimensions - Tiêu chuẩn thép cốt bê tông.

- Tiêu chuẩn của Anh: BS 4449 - 1997 Carbon Steel Bars for the Reinforcement of Concrete - Tiêu chuẩn thép cacbon cho thép cốt bê tông.
- Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS G3505-1980 Low Carbon Steel Wire Rods - Tiêu chuẩn thép tròn trơn; JIS G3112-1987 Steel Bar for Concrete Reinforcement - Tiêu chuẩn thép cốt bê tông.
- Tiêu chuẩn cơ sở: TC 004-VIS 2004 thép cốt bê tông - thép thanh vằn, đường kính danh nghĩa từ D10 đến D51.

Nhờ việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng do các tổ chức trong và ngoài nước đề ra, sản phẩm của Công ty ngày càng được khẳng định và chiếm được lòng tin của khách hàng.

Bảng 7. Một số thành tích đã đạt được

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cơ quan
1	Cúp vàng dành cho Doanh nghiệp tiêu biểu của Bộ xây dựng tại “Triển lãm 45 năm ngành Xây dựng Vietnam 2003”	Năm 2003	Bộ xây dựng
2	02 Huy chương vàng tại Hội chợ Thương mại quốc tế EXPO’2003 dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	Năm 2003	Bộ Thương mại
3	02 Giấy chứng nhận Nhân hiệu có Uy tín tại Việt Nam dành cho 02 sản phẩm thép thanh và thép cuộn VIS	Năm 2003	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	02 Huy chương vàng thép cuộn và thép thanh VIS Triển lãm quốc tế vật liệu xây dựng và nội thất 2003	Năm 2003	Bộ Xây Dựng
5	Chứng nhận Thép Việt - Ý là thương hiệu uy tín 2005 trong 20 thương hiệu do độc giả báo Thương mại và thương mại điện tử (<i>E-tradenews</i>) bình chọn	Năm 2005	UBQG về hợp tác Quốc tế và báo Thương Mại

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

Hiện nay, nhiều công trình trọng điểm quốc gia có sử dụng sản phẩm của Công ty như:

- Thủy điện Sê San, Thủy điện Cần Đơn, Thủy điện Sơn La, Thủy điện Nà Hang, Thủy điện Bản Vẽ, Thủy điện Nậm Chiến...
- Các công trình giao thông trọng điểm như: Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, Trung tâm Hội nghị Quốc gia, nút giao thông Kim Liên - Ô Chợ Dừa, dự án Bắc Ninh - Nội Bài, dự án Sài Gòn - Trung Lương,...

- Các trung tâm kinh tế, khu chung cư cao tầng, các công trình dân dụng, các khu đô thị mới như: trung tâm hội nghị quốc gia, nhà máy Honda, dự án khu chung cư cao cấp Trung Hòa Nhân Chính...

7.7 **Hoạt động Marketing**

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm thép của VISCO bao gồm 2 mảng thị trường chính: (1) thị trường dân dụng; (2) thị trường là các dự án lớn. Sản lượng tiêu thụ thép cán hàng năm của VISCO được phân đều cho mảng 2 thị trường này.

Đối với thị trường là các dự án lớn, VISCO có lợi thế là một công ty thành viên trong Tổng Công ty Sông Đà. Đặc điểm của các công trình do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu hay làm chủ đầu tư đều là các công trình trọng điểm cấp quốc gia. Sản lượng tiêu thụ hàng năm của VISCO trong nội bộ Tổng Công ty Sông Đà chiếm khoảng 10% trên tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Công ty. Dự kiến sản lượng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới. Định hướng chiến lược phát triển của VISCO là phát huy thế mạnh của Công ty trong thị trường dự án, triệt để khai thác thị trường các công trình nội bộ Tổng Công ty, đẩy mạnh và mở rộng thị trường dân dụng một cách vững chắc tiến tới chiếm lĩnh mảng thị trường này.

Hiện nay, VISCO đã thiết lập được hệ thống phân phối phong phú và rộng khắp, phù hợp với đặc điểm của từng thị trường tiêu thụ. Hiện nay, ngoài các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Hà Nội, Sơn La, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, được thành lập nhằm mục đích phục vụ các dự án lớn tại địa phương, VISCO thực hiện phân phối sản phẩm qua 2 kênh bao gồm:

- Bán hàng trực tiếp: chủ yếu phục vụ bán hàng cho các dự án, các khách hàng thường xuyên mua hàng để phục vụ cho các dự án xây dựng của họ.
- Bán hàng thông qua hệ thống phân phối: bao gồm các nhà phân phối lớn (nhà phân phối cấp I) và các đại lý trên cả nước. Hệ thống phân phối này phục vụ đồng thời việc bán hàng cho các dự án cũng như bán cho thị trường dân dụng. Hiện nay, VISCO đã thiết lập được hệ thống phân phối với 21 nhà phân phối cấp I và hơn 300 cửa hàng trên cả nước.

Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống phân phối rộng khắp, VISCO cũng đã xây dựng chiến lược xuất khẩu để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của toàn Công ty.

Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác tiếp thị, hỗ trợ khách hàng. Công ty đã chủ động phối hợp cùng các nhà phân phối, chào hàng cung cấp đầy đủ thông tin về giá bán, sản phẩm tới các cửa hàng bán lẻ, nắm chắc và phản ứng kịp thời với tình hình biến động trên

thị trường để có phương án giải quyết phù hợp. Công ty cũng thường xuyên tiếp xúc với các bạn hàng, hỗ trợ các nhà phân phối nhằm tổ chức mạng lưới bán hàng có hiệu quả.

Đối với chính sách giá, VISCO luôn căn cứ vào sự biến động giá của thị trường và tùy từng thời điểm biến động để ban hành chính sách giá phù hợp, thuyết phục và có tính cạnh tranh trong thời điểm biến động để thu hút khách hàng. Công ty cũng ban hành cơ chế giá, chiết khấu và các phương thức hỗ trợ khác nhằm khuyến khích hơn nữa các nhà phân phối, các cửa hàng đại lý thép tăng sản lượng mua thép VISCO.

VISCO cũng đồng thời thực hiện các hoạt động quảng cáo, tài trợ, khuyến trương sản phẩm. Năm 2006, Công ty đã tiến hành chuẩn hóa và hệ thống lại toàn bộ các ấn phẩm quảng cáo sản phẩm thép VIS trên các phương tiện thông tin đại chúng (bảng, biểu ngoài trời; biển hiệu cửa hàng; catalogue; hồ sơ sản phẩm; website, eteket...). Ngoài ra, VISCO đã thực hiện tổ chức các hội nghị khách hàng quy mô vừa và nhỏ tại các vùng thị trường như Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa...

7.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



7.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8. Một số hợp đồng mua nguyên vật liệu đang thực hiện

STT	Đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng	Thời hạn hợp đồng
1.	Kunming Railway Bureau I/E Corporation (TQ)	Bán phôi thép	\$ 2.190.000 (+/-10%)	đến tháng 20/3/2007
2.	Kunming Railway Bureau I/E Corporation (TQ)	Bán phôi thép	\$ 2.225.000 (+/-10%)	đến tháng 30/4/2007
3.	Công ty TNHH Thương Mại Hương Giang	Bán phôi thép	84.900 triệu đồng (+/-5%)	đến tháng 30/4/2007

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

Bảng 9. Một số hợp đồng phân phối đang thực hiện⁵

STT	Đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng	Thời hạn hợp đồng
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà (Sudico)	Phân phối thép xây dựng	Tối thiểu 150 tấn/tháng	tới 31/12/2007
2	Công ty cổ phần thương mại Thái Hưng	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 4.000 tấn/tháng	tới 31/12/2007
3	Công ty sản xuất và kinh doanh XNK Bình Minh (Bitexco)	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 500 tấn/tháng	tới 31/12/2007
4	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp (Indeco)	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 500 tấn/tháng	tới 31/12/2007
5	Công ty Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 1.000 tấn/tháng	tới 31/12/2007
6	Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 (FICO)	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 2.000 tấn/tháng	tới 31/12/2007
7	Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư (C&T)	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 300 tấn/tháng	tới 31/12/2007
8	Công ty cổ phần Thép Châu Âu	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 500 tấn/tháng	tới 31/12/2007
9	Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 500 tấn/tháng	tới 31/12/2007
10	Công ty TNHH Hà Minh	Phân phối thép xây dựng	tối thiểu 500 tấn/tháng	tới 31/12/2007

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

⁵ Các hợp đồng phân phối của Công ty được ký với thời hạn 01 năm và mỗi năm tiến hành ký kết lại một lần.

8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT

8.1 Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 10. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 và 2006

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	721.856.009.069	778.271.055.992	7,8%
Doanh thu thuần	1.116.157.399.073	1.267.776.202.948	13,6%
Lợi nhuận từ HĐKD	3.393.067.321	13.742.489.549	305,0%
Lợi nhuận khác	3.129.219.296	2.765.589.666	-11,6%
Lợi nhuận trước thuế	6.522.286.617	16.508.079.215	153,1%
Lợi nhuận sau thuế	6.522.286.617	13.977.210.109	114,3%
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	11%	10%	-9,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Năm 2005: Bước sang năm 2005, VISCO tiếp tục phải đối mặt với một loạt những khó khăn. Giá phôi thép trên thị trường tiếp tục có biến động thất thường gây ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cũng trong năm này, giá dầu F.O, một trong nhiên liệu dùng trong hoạt động sản xuất cũng liên tục tăng giá. Thêm vào đó là tình hình khủng hoảng điện năng vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6 đã làm VISCO phải ngưng sản xuất gần 1 tháng.

Sau thời gian đầu đi vào hoạt động, tới năm 2005, VISCO đã có sự chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. VISCO đã triển khai áp dụng đồng loạt các biện pháp đổi mới, sắp xếp lại tổ chức và nhân sự nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty. VISCO cũng liên tục đề ra những biện pháp quản lý mới nhằm giảm thiểu tối đa tiêu hao nguyên, nhiên liệu trong quá trình sản xuất. Việc triển khai đồng loạt các giải pháp như vậy đã đem lại một số kết quả nhất định. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 5,3% năm 2004 lên 5,6% năm 2005.

Năm 2006: Thị trường phôi thép, thép trên thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của VISCO. Đặc biệt, trong năm 2006, Trung Quốc - thị trường nhập khẩu nguyên liệu phôi thép lớn nhất của VISCO đã áp dụng biện pháp hạn chế xuất khẩu nguyên liệu phôi thép bằng cách tăng thuế xuất khẩu phôi lên 10%. Việc tăng thuế xuất khẩu này đã làm giá phôi thép đầu vào tăng và do đó làm tăng giá thành sản xuất thép của VISCO.

Đối mặt với các khó khăn như vậy, VISCO đã đưa vào thực hiện một loạt các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các biện pháp này bao gồm việc đầu tư và áp dụng các công nghệ sản xuất mới: thử nghiệm thành công việc sản xuất thép cán loại D14 - D40 từ phôi 150x150 mm có giá rẻ hơn từ 5 - 7 USD; đầu tư trực tiếp vào sản xuất đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra đồng thời tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu trong quá trình sản xuất. Năm 2006 cũng là năm VISCO đưa vào hoạt động xưởng luyện cán nhằm tận dụng các phế liệu bắt buộc của dây chuyền sản xuất chính. Xưởng luyện cán này một mặt góp phần giúp VISCO sử dụng hiệu quả các phế liệu bắt buộc, mặt khác góp phần giúp VISCO đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

9.1 Triển vọng ngành thép

Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng nhanh và bền vững, tốc độ tăng trưởng GDP luôn được duy trì ở mức cao và năm sau cao hơn năm trước. Năm 2006, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,7% so với năm 2005 là 8,4%. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành công nghiệp và xây dựng là 10,37%, cao hơn tốc độ tăng GDP của cả nước và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Qua đó có thể thấy tiềm năng của ngành xây dựng nói chung và ngành thép nói riêng là rất lớn. Nhu cầu thép sẽ không ngừng được gia tăng cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép của Chính phủ thì đến năm 2010, ngành thép sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm trong nền kinh tế quốc

dân, trong đó có sự phát triển cân đối giữa hạ nguồn (cán, kéo gia công thép) và thượng nguồn (khai thác quặng sắt, sản xuất phôi) với tốc độ sản xuất thép cán tăng trưởng bình quân là 10%/năm, tốc độ sản xuất phôi thép tăng trưởng bình quân là 15%/năm.

Chủ trương phát triển là về thị trường, ngành thép làm chủ thị trường trong nước về chủng loại, chất lượng, quy cách các loại thép thông dụng, giá cả và tìm được thị trường xuất khẩu, phấn đấu đến năm 2010 sản xuất thép trong nước đáp ứng được 75% - 80% nhu cầu tiêu dùng thép trong nước. Về công nghệ, ngành thép hướng tới sử dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa ở mức cao, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, điện năng, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường...

Bảng 11. Kế hoạch phát triển ngành thép đến năm 2010

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2005	Năm 2010
Công suất			
Sản xuất phôi thép	tấn/năm	1500	1800÷2000
Cán thép	tấn/năm	4200	6500
Gia công sau cán	tấn/năm	1000	1600
Sản lượng			
Sản xuất phôi thép	tấn/năm	1200÷1400	1800
Thép cán các loại	tấn/năm	2500÷3000	4500÷5000
Gia công sau cán	tấn/năm	600	1200÷1500

Nguồn: Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg ngày 10/09/2001 về quy hoạch phát triển ngành thép đến 2010.

9.2 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

Nhà máy thép Việt Ý thực sự bước vào thị trường từ năm 2003 với sản lượng là 250.000 tấn/năm, và đến tháng 2/2004 tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp. Đây cũng là thời điểm một loạt các nhà máy sản xuất thép cùng đi vào hoạt động và cạnh tranh diễn ra ngày càng khốc liệt. Song với sự lãnh đạo tài tình của Ban Giám đốc cùng sự quyết tâm của toàn thể CBCNV, Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường thép trong nước.

Bảng 12. So sánh sản lượng và thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép

Chỉ tiêu	Đơn vị	2004	2005	E2006
Cả nước	Nghìn tấn	3.104	3.600	3.468
<i>Tăng trưởng cả nước</i>	%	10,7	16,0	-3,7
Hiệp hội thép	Nghìn tấn	2.434	2.850	2.850
<i>Tăng trưởng của hiệp hội thép</i>	%	9,7	17,1	0,0
Doanh nghiệp ngoài hiệp hội thép	Nghìn tấn	570	650	618
<i>VISCO (Sản lượng tiêu thụ)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>131,946</i>	<i>145,113</i>	<i>166,406</i>
<i>Tăng trưởng (tiêu thụ)</i>	%	56,7	10,0	14,7
<i>Thị phần VISCO (cả nước)</i>	%	4,25	4,03	4,80

Nguồn: Hiện hiệp hội Thép Việt Nam - VSA và báo cáo của VISCO

Những lợi thế cạnh tranh của VISCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành:

- Với dây chuyền cán thép được nhập khẩu, lắp đặt và chuyên giao công nghệ toàn bộ bởi hãng Danieli (Ý), công nghệ sản xuất của VISCO được đánh giá là hiện đại nhất trong các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước. Có thể kể đến một số những tính năng vượt trội như:
 - *Lò nung kiểu Walking Hearth*: điều khiển quá trình nung hoàn toàn tự động, giảm tiêu hao kim loại, đảm bảo chất lượng phôi cho quá trình cán. Với block cán tinh cụm 10 giá cán, từng cặp bố trí vuông góc, có tốc độ và lực cán cao giúp tăng độ chính xác và mỹ quan của bề mặt sản phẩm.
 - *Hệ thống Quenching (QTB)*: giúp nâng cao cơ tính của thép cán, đặc trưng của công nghệ thép cán tiên tiến nhất hiện nay trên thế giới, cùng với tổ hợp máy công cụ CNC phục vụ gia công trục cán và bánh cán đảm bảo độ chính xác về hình học, chất lượng về bề mặt và tính mỹ quan cao nhất cho sản phẩm.
 - Nói đến VIS là nói đến sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, bao gồm các loại thép cuộn từ $\varnothing 5,5$ đến $\varnothing 12$, thép thanh từ D10 đến D40. Sản phẩm thép VIS đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất của thép xây dựng như: JIS G3112-1987 (Nhật Bản); TCVN 1651-1985, TCVN 6258-1997 (Việt Nam), ASTM A615/A615M-00 (Mỹ), BS4449-1997 (Anh).
- Dưới đây là bảng phân tích tóm tắt các Thế mạnh (Strengths), Điểm yếu (Weaknesses), Cơ hội (Opportunities) và Thách thức (Threats) đối với Công ty:

Bảng 13. Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm: đa dạng, có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, được khách hàng tin nhiệm. - Nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ Công ty có trình độ chuyên môn và giàu kinh nghiệm. - Công nghệ: dây chuyền cán thép của Công ty được nhập khẩu, lắp đặt và chuyển giao công nghệ toàn bộ bởi hãng Danieli (Ý). Đây là một hãng hàng đầu thế giới về sản xuất các loại dây chuyền luyện và cán thép. - Mạng lưới phân phối: linh hoạt và hiệu quả qua 3 kênh: bán hàng trực tiếp tới các công trình, qua nhà phân phối và hình thức đại lý ký gửi. - Chiến lược Marketing: hiệu quả với các chính sách bán hàng, chính sách giá linh hoạt và phù hợp. - Hỗ trợ từ phía Tổng Công ty Sông Đà: Công ty nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Tổng Công ty về vốn, công nghệ và có cơ hội cung cấp sản phẩm cho nhiều dự án, công trình xây dựng lớn trong cả nước. - Nguồn lực tài chính: có quan hệ tốt với Tổng Công ty và các Tổ chức tín dụng có uy tín như: Vietcombank, Agribank, BIDV, Incombank, Techcombank... 	<ul style="list-style-type: none"> - Phôi thép chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn được nhập khẩu từ nước ngoài nên việc giá phôi thép trên thị trường thế giới biến động sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển với nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng rất lớn. Do vậy, cầu về nguyên vật liệu xây dựng đặc biệt là thép có xu hướng tăng cao. - Việt Nam sắp gia nhập WTO sẽ tạo ra những làn sóng đầu tư vào Việt Nam, sẽ có nhiều dự án đầu tư xây dựng được triển khai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ cạnh tranh về chất lượng mẫu mã và giá cả giữa các công ty sản xuất thép cán trong nước đang diễn ra ngày càng gay gắt. - Tình trạng thép Trung Quốc giá rẻ đang tràn vào Việt Nam khiến các công ty sản xuất thép trong nước phải lao đao.

10. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG**10.1 Tình hình lao động (tính đến thời điểm 31/12/2006)**

Tổng số lao động của VISCO tính đến thời điểm 31/12/2006 là 418 người, tăng xấp xỉ 13% so với 371 người tại thời điểm 31/12/2005.

10.2 Trình độ lao động**Bảng 14. Trình độ lao động của VISCO tại thời điểm 31/12/2006**

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên Đại học	4	1,0%
Đại học	111	26,6%
Cao đẳng	4	1,0%
Trung cấp	7	1,7%
Sơ cấp, cán sự	1	0,2%
Công nhân kỹ thuật	291	69,6%
TỔNG	418	100%

Nguồn: Báo cáo của VISCO

10.3 Chính sách đối với người lao động** Chính sách tiền lương**

- Công ty xây dựng Quy chế trả lương cho các CBCNV trên cơ sở phù hợp với các quy định của Chính Phủ về tiền lương và không hạn chế mức thu nhập hợp pháp của người lao động.
- Công ty thực hiện khoán lương theo sản phẩm đến người lao động. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xây dựng phương án khoán lương, dựa trên các chỉ tiêu chủ yếu sau:
 - Mức tiêu hao điện năng, mức tiêu hao kim loại, vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế, sửa chữa trên 1 tấn sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
 - Sản lượng bán hàng, thu hồi công nợ hàng tháng.
 - Chỉ tiêu lợi nhuận hàng tháng.
- Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các chế độ cho người lao động về BHXH, BHYT, chế độ nghỉ dưỡng sức, tham quan du lịch...

Chính sách tiền thưởng

- Tiền thưởng được ghi trong các Hợp đồng giao khoán giữa Tổng Giám đốc với các đơn vị nhận khoán. Khi giá trị tăng lên so với mức khoán, người lao động được hưởng 50%, Công ty hưởng 50%.
- Thực hiện thưởng trực tiếp đối với các công việc có kết quả xác định cụ thể.
- Đối với CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc trợ cấp một phần kinh phí để khắc phục khó khăn trong cuộc sống.

Chính sách đào tạo

- Xây dựng chế độ đãi ngộ, khuyến khích cho CBCNV được cử đi đào tạo hoặc thực hiện đào tạo tại chỗ.
- Đào tạo lại đội ngũ cán bộ đặc biệt là các cán bộ chu chốt và cán bộ kế cận về kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, lý luận chính trị phù hợp với mô hình công ty cổ phần. Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp học và các chương trình như:
 - Nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật.
 - Đào tạo về an toàn lao động.
 - Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, kỹ sư, nhân viên: học tập trung tại Công ty hoặc gửi đến các cơ sở đào tạo của Bộ, Ngành, các Trường Đại học trong cả nước. Bao gồm các ngành: Ngoại ngữ, tin học, luyện kim, cơ khí, điện, quản trị kinh doanh, quản lý doanh nghiệp.
- Thường xuyên đánh giá chất lượng CBCNV để bố trí phù hợp với công việc theo năng lực và cấp bậc công việc.
- Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút và giữ đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề cao.
- Người lao động làm việc tại Công ty, nếu có đủ năng lực phẩm chất sẽ được đề bạt và giao nhiệm vụ trong các vị trí như: Phó Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng phòng, Phó phòng, Quản đốc, Phó Quản đốc...

11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC**Bảng 15. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty**

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn cổ phần	Tương đương⁶
2005	11%/năm	1.100 đồng/cổphiếu
2006	10%/năm	1.000 đồng/cổphiếu ⁷
KH 2007	10%/năm	1.000 đồng/cổphiếu

Nguồn: Báo cáo của VISCO

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: hạch toán, phân phối lợi nhuận và lập quỹ. Theo đó, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và kiến nghị mức cổ tức được trả để trình ĐHĐCĐ quyết định.

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ phần vốn góp, thời gian trả cổ tức thường là 01 lần/năm.

12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**12.1 Các chỉ tiêu cơ bản****12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định**

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Phương pháp khấu hao áp dụng

- Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

⁶ Tính theo mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VNĐ

⁷ Dự kiến cổ tức sẽ được chi trả bằng cổ phiếu

- Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ**Bảng 16. Thời gian khấu hao TSCĐ**

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 4

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2006 của VISCO

Trong năm tài chính 2006, Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã thực hiện trích khấu hao nhanh một số máy móc thiết bị theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ngày 18/03/2006 nhưng không vượt quá khung thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BT với giá trị khấu hao nhanh tăng thêm khoảng 7,3 tỷ đồng.

12.1.2 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 1.905.000 đồng/người/tháng so với 1.746.000 đồng/người/tháng năm 2005.

12.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2005-2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

12.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định**Bảng 17. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	<i>Đơn vị: đồng</i>	
		31/12/2005	31/12/2006
1	Thuế giá trị gia tăng	4.023.623.272	-
2	Thuế xuất nhập khẩu	5.248.453.124	1.393.290
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.090.952.823
4	Các loại thuế khác	9.363.539	9.363.539
5	Các khoản phí, lệ phí & các khoản phải nộp khác	1.796.800	1.796.800
CỘNG		9.283.236.735	3.103.506.452

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

Các khoản thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu phôi thép là các khoản thuế phát sinh hàng tháng và sẽ được Công ty thanh toán vào tháng sau.

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả do công ty tạm tính, và sẽ trả cho Nhà nước sau khi có quyết toán thuế vào cuối năm.

12.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định. Hàng năm Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 18. Tình hình trích lập các quỹ

Các Quỹ	Đơn vị: đồng	
	31/12/2005	31/12/2006
Quỹ dự phòng tài chính	387.798.533	835.990.383
Quỹ đầu tư phát triển	3.618.987.090	1.177.436.685
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	395.994.167	113.354.276
TỔNG	4.402.779.790	2.126.781.344

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2007 đã thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2006 là 13.977.210.109 VNĐ như sau:

Bảng 19. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2006

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	Khối lượng phân bổ	
Chia cổ tức (10%)	10.000.000.000	
Bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi	458.000.000	
Bổ sung quỹ dự phòng tài chính	572.000.000	
Bổ sung quỹ đầu tư phát triển	2.947.210.109	
TỔNG	13.977.210.109	

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2007

12.1.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 20. Dư nợ vay (tại thời điểm 31/12/2006)

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	31/12/2005	31/12/2006
Vay ngắn hạn	387.113.130.787	433.421.852.674
Vay dài hạn	162.150.130.048	125.230.049.356
Vay dài hạn đến hạn trả	37.269.698.692	37.269.698.692

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

Bảng 21. Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn (tại thời điểm 31/12/2006)

STT	Đối tác cho vay	Số tiền (triệu đồng)
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	110.341
2	Ngân hàng Ngoại thương	188.014
3	Ngân hàng Nông nghiệp Nam Hà Nội	57.108
4	Ngân hàng Nông nghiệp Hưng Yên	31.361
4	Ngân hàng TMCP Kỹ thương	46.597

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Do đặc điểm là một doanh nghiệp trong ngành sản xuất thép cán nên nhu cầu vốn lưu động để nhập các nguyên, vật liệu như phôi thép, dầu F.O... phục vụ sản xuất là lớn. Các khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty cổ phần Thép Việt Ý chủ yếu là để phục vụ cho nhu cầu về vốn lưu động cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cân đối nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Bảng 22. Chi tiết dư nợ vay dài hạn (tại thời điểm 31/12/2006)

STT	Đối tác cho vay	Mục đích vay	Số tiền (triệu đồng)	Thời gian đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	Dự án nhà máy thép	77.805	30/10/2001	10,8
		Dự án nhà máy phôi	105	26/11/2014	12
2	Ngân hàng Công thương	Dự án nhà máy thép	66.592	11/9/2011	10,4
3	Ngân hàng NN & PT NT ⁸	Dự án nhà máy thép	15.787	10/9/2008	10,8
		Dự án nhà máy phôi	118	26/11/2014	12
4	Ngân hàng Ngoại thương	Dự án nhà máy thép	1.965	28/1/2010	10,8
		Dự án nhà máy phôi	106	26/11/2014	12
5	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Dự án nhà máy phôi	21	26/11/2014	12

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

⁸ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

12.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 23. Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2006

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	31/12/2005	31/12/2006
Các khoản phải thu	205.924.889.392	326.711.206.842
Phải thu của khách hàng	204.414.157.365	255.980.759.984
Trả trước cho người bán	1.346.009.889	46.938.032.882
Thuế GTGT được khấu trừ, các khoản phải thu Nhà nước	76.897.818	1.757.139.764
Phải thu khác	87.824.320	22.035.274.212
Nợ ngắn hạn	466.678.303.033	508.201.686.275
Vay ngắn hạn	387.113.130.787	433.421.852.674
Nợ dài hạn đến hạn trả	37.269.698.692	37.269.698.692
Phải trả cho người bán	28.584.398.132	27.262.591.738
Người mua trả tiền trước	207.514.420	194.537.273
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.283.236.735	3.103.506.452
Phải trả công nhân viên	648.789.500	1.183.493.004
Phải trả cho các đơn vị nội bộ	-	-
Cổ tức phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.571.534.767	5.766.006.442
Nợ và vay dài hạn	162.150.130.048	125.230.049.356
Nợ khác	6.124.309.581	28.509.018.160

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

Tại thời điểm 31/12/2006, các khoản phải thu của khách hàng là 256 tỷ, chiếm tỷ trọng 32,9% trong tổng tài sản.

Bảng 24. Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng (tại thời điểm 31/12/2006)

STT	Đối tác cho vay	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
1	Khách hàng ngoài Công ty	Tiền bán thép	214.476
2	Phải thu nội bộ Tổng Công ty	Tiền bán thép	41.504

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)

Công ty cổ phần Thép Việt Ý là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán sử dụng trong các công trình xây dựng. Với đặc điểm doanh nghiệp như vậy, công nợ phải thu từ các khách hàng của VISCO là lớn vào cuối quý và cuối năm. Tuy vậy, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, VISCO luôn có những chính sách nhằm duy trì các khoản phải thu của Công ty ở mức hợp lý. Một trong những chính sách đó là lựa chọn những đối tượng khách hàng có uy tín và thường xuyên có quan hệ đối tác mua bán với Công ty, luôn thanh toán các khoản nợ tiền hàng trong thời gian cam kết.

12.1.8 Giải trình một số lưu ý và ngoại trừ trong báo cáo tài chính năm 2005 và 2006

a Tăng vốn điều lệ trong năm 2006 từ 75,98 tỷ lên 100 tỷ

Ngày 5/4/2006, Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết số 01/2006 thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ lên 100 tỷ bằng cách trả cổ tức 11% bằng cổ phiếu và phần còn lại phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu với giá bán bằng mệnh giá. Cụ thể:

- Số vốn thực góp đầu năm 2006: 75.978.200.000 đồng (tương ứng với 759.782 cổ phiếu mệnh giá 100.000 đồng)
- Tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu: 7.975.600.000 đồng (79.756 cổ phiếu)
- Tăng do góp vốn bằng tiền từ cổ đông hiện hữu: 16.046.200.000 đồng (160.462 cổ phiếu)
- Tổng vốn thực góp đến 26/10/2006: 100.000.000.000 đồng (1.000.000 cổ phiếu)
(chi tiết trong Báo cáo tổng số vốn góp của công ty đã được công ty VACO kiểm toán)

b. Khấu hao nhanh một số tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty cổ phần Thép Việt Ý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tuy nhiên, năm 2006, Công ty đã thực hiện trích khấu hao nhanh cho một số máy móc thiết bị theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 18/03/2006 nhưng không vượt quá khung thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC. Nếu VISCO áp dụng nhất quán chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng thì chi phí khấu hao tài sản cố định sẽ giảm đi số tiền khoảng 7,3 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng lên một số tương ứng.

c. Chi phí lãi vay dài hạn ngân hàng phát sinh trong năm

Công ty cổ phần Thép Việt Ý đang phản ánh một phần chi phí lãi vay dài hạn ngân hàng phát sinh trong năm với số tiền 2.920.398.468 đồng trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2006 với mục đích phân bổ lãi vay cho thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2006 theo tỷ lệ giữa thành phẩm tồn kho trên thành phẩm sản xuất trong năm. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (VAS số 16), chi phí đi vay phải được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa khi chi phí đi vay có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang. Nếu Công ty áp dụng VAS số 16 thì khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2006 sẽ giảm đi số tiền là 2.920.398.468 đồng và lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 sẽ giảm đi một số tương ứng.

12.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 25. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2004	2005	2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1,16	1,04	1,09
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,54	0,56	0,81
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,05	0,10	0,15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,87	0,88	0,85
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	6,73	7,31	5,69
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	4,70	4,66	5,75
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,56	1,55	1,09
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,15	0,58	1,65
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,90	7,51	12,04

+	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,80	0,90	1,08
+	Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	1,15	0,30	1,56

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2005, 2006 của VISCO

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

13.1 Danh sách Hội đồng quản trị

13.1.1 Ông Vũ Huy Quang

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Ryninh II, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 12
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/12/1959
- Nơi sinh: Phú Thụ, Kinh Môn, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND số: 012036868
- Quê quán: Phú Thụ, Kinh Môn, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 2, Ngõ 62 Triều Khúc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - 1982 - 1990: Tốt nghiệp đại học, công tác tại Công ty Cung ứng Vật tư Sông Đà
 - 1990 - 1993: Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 1 thuộc Công ty Cung ứng Vật tư Sông Đà
 - 1993 - 2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 1 thuộc Công ty Cung ứng Vật tư Sông Đà
 - 2001 - 2003: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 12, Tổng Công ty Sông Đà
 - 2003 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, Giám đốc Công ty Sông Đà 12, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ

phần Sông Đà 12

- Từ tháng 02/2006: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 2.246.820 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 21.100 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.1.2 Ông Phan Ngọc Diệp

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà, Thành viên HĐQT công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/04/1959
- Nơi sinh: Chương Dương - Thường Tín - Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 111129796
- Quê quán: Tam Xuân - Tam Kỳ - Quảng Nam - Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: Số 10/6, 343 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - 10/1982 - 05/1985: Kỹ thuật Xí nghiệp Thủy công, Tổng Công ty Thủy điện Sông Đà
 - 06/1985 - 08/1987: Phó Giám đốc Xí nghiệp Thủy công 1, Công ty Thủy công

- 09/1987 - 05/1991: Giám đốc Xí nghiệp Thủy công 5, Công ty Thủy công
- 06/1991 - 04/1993: Phó Giám đốc Công trình Thủy điện Sê La Bam, Lào
- 05/1993 - 08/1994: Phụ trách công tác xây dựng Công ty Việt Âu
- 09/1994 - 09/2001: Trưởng Phòng Đầu tư, Tổng Công ty Sông Đà
- 10/2001 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Sông Đà, Bí thư Đảng ủy Công ty
- 10/2003 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện phần vốn của Công ty 3.316.290 cổ phần cổ phần Đầu tư phát triển và Khu Công nghiệp Sông Đà
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.1.3 Ông Đinh Văn Vi

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/04/1960
- Nơi sinh: Gia Lập, Gia Viễn, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: A0763864
- Quê quán: Gia Lập, Gia Viễn, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 5, Ngách 10, Ngõ 2, Nguyễn Viết Xuân, Q. Thanh Xuân,

- Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
 - Quá trình công tác:
 - 1982 - 1985: Cán bộ kỹ thuật Công ty cung ứng vật tư , Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Hoà Bình
 - 1985 - 1988: Phó phòng Điều độ, Công ty Cung ứng Vật tư
 - 1988 - 1991: Liên đội phó Liên đội cơ giới của Liên hiệp lắp máy 10, Liên hiệp các xí nghiệp lắp máy Việt Nam
 - 1991 - 1994: Phó giám đốc chi nhánh, Công ty Xây dựng Thủy công tại Đông Hà, Quảng Trị
 - 1995 - 1998: Trưởng trạm Bút Sơn, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 1998 - 2000: Phó giám đốc Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 2000- 2001: Trưởng ban QLDA sản xuất thép Sông Đà, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 09/2001 - 09/2002: Phó giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
 - 09/2002 - 09/2003: Đi học tập trung nâng cao tiếng Anh tại trường ĐH Quốc gia Hà Nội
 - 2004 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
 - Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 750.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 37.730 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.1.4 Ông Nguyễn Ngọc Thịnh

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Trưởng phòng Đầu tư Tổng Công ty Sông Đà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/05/1955
- Nơi sinh: Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 011905592
- Quê quán: Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 35 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - 1980 - 1982: Cán bộ kỹ thuật Công ty thi công cơ giới, Tổng công ty xây dựng Sông Đà
 - 1983 - 1986: Trưởng ban kỹ thuật - kế hoạch Xí nghiệp đập đá đồ, Công ty thi công cơ giới
 - 1986 - 1989: Phó phòng kỹ thuật - kế hoạch Công ty Xây dựng Công trình ngầm
 - 1989 - 1992: Trưởng phòng kỹ thuật - kinh tế Công ty xây dựng thủy điện YALY, Tổng công ty xây dựng Sông Đà
 - 1992 - 1994: Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới, Công ty Xây dựng Thủy điện YALY
 - 1994 - 1997: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 4
 - 1997- 2003: Trưởng phòng thị trường Tổng công ty Sông Đà
 - 2003- 2006: Giám đốc Công ty Sông Đà 4
 - 01/2006 - 07/2006: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Sông Đà 4
 - 08/2006 đến nay: Trưởng phòng đầu tư, Tổng công ty Sông Đà

- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 750.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.1.5 Bà Đặng Thị Diệu Hương

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Phó Phòng Kinh tế Tổng Công ty Sông Đà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/02/1958
- Nơi sinh: Ba Đình, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 010391531
- Quê quán: Ba Đình, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 42, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - 1981 - 1993: Cán bộ Phòng KT-KH-VT, Công ty Xây dựng Thủy công, Tổng công ty xây dựng Sông Đà
 - 1994 - 1996: Trưởng phòng KT-KH-VT, Chi nhánh Công ty Xây dựng Thủy công tại Hà Nội
 - 1997 - 1998: Trưởng phòng kinh tế, Công ty Sông Đà 15
 - 1999 - 2001: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 15
 - 01/2001 - 08/2001: Trưởng phòng Dự án, Công ty Sông Đà 9

- 08/2001 - nay: Phó phòng kinh tế, Tổng công ty Sông Đà
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 750.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2 Danh sách Ban kiểm soát

13.2.1 Bà Phùng Minh Bằng

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Phó giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/04/1962
- Nơi sinh: Quảng Yên, Cao Bằng, Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 012522939
- Quê quán: Quảng Yên, Cao Bằng, Lạng Sơn
- Địa chỉ thường trú: P205, Số 3, Ngõ 167/37, Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1991: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư phát triển Công trình Thủy điện Hoà Bình
 - 1992 - 1994: Phó phòng tài vụ Công ty cung ứng Vật tư Sông Đà
 - 1994 - 2001: Trưởng ban Tài chính Kế toán, Xí nghiệp XL-VT-VT Sông

Đà 12-1, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12

- 2001 - 2002: Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban tài chính kế toán - Xí nghiệp XL - VT - VT Sông Đà 12-1, Công ty XL - VT - VT Sông Đà 12
- 2003 - 2005: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 12
- 2006 - nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà

- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 6.370 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2.2 Ông Trần Thọ Hiếu

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Phó kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/04/1965
- Nơi sinh: Tam Đa, Yên Phong, Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 012198061
- Quê quán: Tam Đa, Yên Phong, Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Số 11, ngách 495/7 Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

- Quá trình công tác:
 - 2/1983 - 3/1984: Cán bộ Công ty XD công trình ngầm, Tổng Công ty Sông Đà
 - 04/1984 - 06/1986: Học tập trung tiếng Nga, khoa tiếng Nga trường Đại học kiến trúc Hà Nội
 - 07/1986 - 02/1988: Phiên dịch tại Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Tổng Công ty Sông Đà
 - 03/1988 - 07/1991: Học nghề tại Tiệp Khắc (cũ)
 - 08/1991 - 03/1993: Công tác tại Xí nghiệp XL - VT - VT Sông Đà 12-1, Công ty XL - VT - VT Sông Đà 12
 - 04/1993 - 12/1997: Công tác tại Phòng TCKT Công ty XL - VT - VT Sông Đà 12
 - 01/1998 - 12/2000: Kế toán trưởng xí nghiệp bao bì, Công ty XL - VT - VT Sông Đà 12
 - 01/2001 - 02/2002: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 12 tại Hoà Bình
 - 03/2002 - 08/2004: Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 1
 - 09/2004 đến nay: Phó kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.2.3 Ông Khương Quốc Bình

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thép Việt Ý, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 12
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/02/1973

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 011574877
- Quê quán: Thiệu Khánh, Thiệu Hóa, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số 1, Tầng 3, Lô B, Tòa nhà 18 Yên Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 11/1994 - 08/1996: Công tác tại phòng Tài chính Kế toán, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 09/1996 - 1998: Kế toán trưởng liên doanh Sông Đà - Kumagai
 - 1999 - 2001: Kế toán trưởng Công ty TB tự động hoá, Tổng công ty Sông Đà
 - 2001 - 03/2003: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty tư vấn XL Sông Đà tại Tuyên Quang
 - 03/2003 - 03/2006: Phó kế toán trưởng Liên doanh Sông Đà - Jurong
 - 04/2006 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 12
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3 Danh sách Ban giám đốc

13.3.1 Ông Đinh Văn Vi

- **Chức vụ:** Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý

- **Lý lịch chi tiết:** đã nêu ở phần trên

13.3.2 Ông Trần Văn Thạnh

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/06/1966
- Nơi sinh: Nhân Hưng, Lý Nhân, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 012166207
- Quê quán: Nhân Hưng, Lý Nhân, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 102 Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - 1989 - 1996: Cán bộ Xí nghiệp XL-VT-VT Sông Đà 12-1, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 1996 - 2001: Trưởng ban kinh doanh, Xí nghiệp XL-VT-VT Sông Đà 12-1, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 01/2001 - 11/2001: Phó giám đốc Xí nghiệp XL-VT-VT Sông Đà 12-1, Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12
 - 11/2001 - 02/2004: Trưởng phòng thị trường Công ty Sông Đà 12
 - 02/2004 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 18.330 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3.3 Ông Ngô Xuân Toàn

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/06/1958
- Nơi sinh: Bắc Thành, Yên Thành, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 090041900
- Quê quán: Bắc Thành, Yên Thành, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Tổ 37, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán thép
- Quá trình công tác:
 - 02/1980 - 10/1980: Công tác tại Nhà máy cán thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 10/1980 - 12/1986: Tu nghiệp sinh và làm việc tại Nhà máy sản xuất thép Eberswalde Frankfurt, Cộng hoà dân chủ Đức
 - 01/1987 - 04/1993: phụ trách kỹ thuật tại Nhà máy cán thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 04/1993 - 12/1997: Chuyên viên - Trưởng ca cán thép, Nhà máy cán thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 12/1997 - 12/1998: Chuyên viên Phòng kế hoạch Nhà máy cán thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 01/1999 - 04/2001: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư kiêm Quản đốc xưởng cán thép, Nhà máy cán thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 05/2001 - 12/2002: Chuyên viên Ban quản lý Dự án sản xuất thép Công ty Sông Đà 12, Tổng công ty Sông Đà
 - 12/2002 - 01/2004: Phó giám đốc Nhà máy Thép Việt Ý

- 02/2004 - nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty cổ phần thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 4.860 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3.4 Ông Vũ Thanh Toàn

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/08/1965
- Nơi sinh: Yên Trung, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 090502202
- Quê quán: Yên Trung, Ý Yên, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34, Phường Hương Sơn, Thành phố Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - 1994 – 09/1996: Công tác tại Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng, Công ty Gang Thép Thái Nguyên
 - 10/1996 - 12/1999: Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ điện Năng lượng tại Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 01/2000 - 10/2001: Trạm trưởng trạm khí nén, cấp nước Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 11/2001 - 03/2002: Chuyên viên kỹ thuật, Ban QLDA sản xuất Thép Sông Đà -

Công ty Sông Đà 12

- 04/2002 - 06/2003: Phó phòng Quản lý Thiết bị Nhà máy thép Việt Ý, Công ty Sông Đà 12
- 07/2003 - 08/2005: Quản đốc Xưởng cơ điện Công ty cổ phần thép Việt Ý
- 09/2005 - 03/2006: Trưởng phòng thiết bị công nghệ Công ty cổ phần thép Việt Ý
- 04/2006 - nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách thiết bị Công ty cổ phần thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 16.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.3.5 Ông Phạm Mạnh Cường

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/11/1968
- Nơi sinh: Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 090580781
- Quê quán: Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán thép
- Quá trình công tác:
 - 06/1991 - 04/2001: Phụ trách kỹ thuật cán thép tại Nhà máy cán thép Lưu Xá,

- Công ty Gang thép Thái Nguyên
- 05/2001 - 01/2002: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý Dự án sản xuất thép Sông Đà, Công ty XL - VT - VT Sông Đà 12
 - 02/2002 - 08/2002: Phó quản đốc Xưởng cán, Nhà máy thép Việt Ý
 - 09/2002 - 05/2006: Quản đốc Xưởng cán, Công ty cổ phần thép Việt Ý
 - 05/2006 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thép Việt Ý
 - Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 1.660 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13.4 Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Hà

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/02/1970
- Nơi sinh: Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMTND/Hộ chiếu số: 111715672
- Quê quán: Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 202, nhà H2, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - 06/1992 - 04/1994: Chuyên viên phòng tài chính kế toán Tổng công ty Sông Đà

BẢN CÁO BẠCH

- 05/1994 - 07/1998: Kế toán trưởng - Chi nhánh Công ty Sông Đà 8 tại Ninh bình
- 07/1998 - 03/2003: Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 8
- 04/2003 - 04/2004: Kế toán trưởng - Ban điều hành TCT Sông Đà tại công trình xây dựng đường Hồ Chí Minh
- 04/2004 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 19.300 cổ phần
- Những người có liên quan: Không Số cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

14. TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP**Bảng 26. Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2006***Đơn vị: đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình			
Nhà xưởng, vật kiến trúc	52.119.046.253	8.768.172.611	43.350.873.642
Máy móc thiết bị	228.581.031.479	80.393.063.201	148.187.968.278
Thiết bị văn phòng	560.876.017	423.351.864	137.524.153
Phương tiện vận tải	10.217.782.687	3.085.021.613	7.132.761.074
TỔNG	291.478.736.436	92.669.609.289	198.809.127.147

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2006 của VISCO***15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC**

Dựa trên những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng trong những năm sắp tới, định hướng phát triển ngành xây dựng cùng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã đưa ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2007 như sau:

Bảng 27. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007

Chỉ tiêu	Năm 2007 (Đơn vị: triệu đồng)
1 Doanh thu	1.625.716
2 Tốc độ tăng trưởng doanh thu	85%
3 Lợi nhuận	20.256
4 Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	18,7%
5 Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	1,25%
6 Tỷ lệ chi trả cổ tức ⁹	10%

*Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý (VIS)***16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC**

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân dự kiến trong 5 năm

⁹ So với tổng mệnh giá cổ phiếu.

2006-2010 đạt 7,5-8%/năm. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng là 12%. Do vậy, trong thời gian tới, nhu cầu thép phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ tăng lên đáng kể. Đặc biệt, khi Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, cụ thể là gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), cơ hội để phát triển ngành thép nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng là khả quan.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra trong giai đoạn 2007 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mọi ý kiến đánh giá trên đây được VCBS đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

KHÔNG CÓ

18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Vừa qua, Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã đặt đối tác tại Trung Quốc sản xuất 10.000 tấn thép cây loại CIII mang thương hiệu thép VIS. Ngày 27/03/2007, lô hàng đầu tiên đã về tới Việt Nam.

Sự việc này đã gây phản ứng ở một số các công ty sản xuất thép trong Hiệp hội Thép Việt Nam. Tuy nhiên, ngày 10/04/2007, Bộ Thương mại đã có ý kiến chính thức trả lời gửi Thủ tướng Chính phủ theo Công văn số 2019/BTM-XNK như sau:

- *Về việc sử dụng nhãn hiệu VIS gắn lên sản phẩm thép cây Công ty cổ phần Thép Việt Ý đặt sản xuất tại Trung Quốc:*

Theo khăng định của Cục Sở hữu trí tuệ tại công văn số 288/SHTT-PCCS ngày 14/02/2007, việc Công ty cổ phần Thép Việt Ý ký kết hợp đồng cho phép đối tác nước ngoài gắn nhãn hiệu của Công ty lên sản phẩm và Công ty mua lại sản phẩm trên tại nước ngoài và trực tiếp nhập khẩu vào Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam về quyền của chủ nhãn hiệu.

- *Về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm thép cây Công ty cổ phần Thép Việt Ý đặt sản xuất tại Trung quốc:*

Hợp đồng mua bán giữa hai công ty có ghi rõ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Công ty cổ phần Thép Việt Ý đặt Công ty của Trung Quốc sản xuất thép cây như: chiều dài, kích cỡ, giới hạn chảy, độ bền đứt, độ dẫn dài tương đối, thử uốn, bán kính thép cốt, dung sai trọng lượng. Các tiêu chuẩn này thuộc tiêu chuẩn nhóm thép cốt CIII-TCVN1651-85.

Chất lượng thép nhập khẩu của Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã được kiểm tra tại Trung tâm Kỹ thuật 1 thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Tại các thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước chất lượng hàng hóa xuất/nhập khẩu số 07/NV1/KT/091; 07/NV1/KT/093 và 07/NV1/KT/097 cấp vào các ngày 04 và 06 tháng 4 năm 2007, Trung tâm Kỹ thuật 1 đã khẳng định kết quả kiểm tra lô hàng đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu. Công ty cổ phần Thép Việt Ý cũng đã tiến hành kiểm định tại hai tổ chức kiểm định độc lập khác là Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải (Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1) và Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (Viện chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng). Các kết quả đều đưa ra khẳng định lô hàng thép cây VIS đặt sản xuất tại Trung Quốc đạt tiêu chuẩn thép nhóm CIII-TCVN1651-85.

Như vậy, sản phẩm thép cây Việt Ý đặt sản xuất tại Trung Quốc mang thương hiệu VIS không vi phạm quy định về quản lý chất lượng hàng nhập khẩu của Việt Nam.

- *Về nhãn hiệu hàng hóa của sản phẩm thép cây Công ty cổ phần Thép Việt Ý đặt sản xuất tại Trung Quốc:*

Điều 6, và Điều 11 của Nghị định 89/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/09/2006 về nhãn hàng hóa quy định: (1) Nhãn hàng hóa phải được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa ở vị trí khi quan sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ các nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa; (2) Trường hợp không được hoặc không thể mở bao bì ngoài thì trên bao bì ngoài phải có nhãn và nhãn phải trình bày đầy đủ nội dung bắt buộc; (3) Nhãn hàng hóa phải thể hiện các nội dung: tên hàng hóa, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa, xuất xứ hàng hóa.

Đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã gửi Bộ Thương mại nhãn phụ của Công ty trong đó có ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc như: tên hàng hóa, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa, xuất xứ hàng hóa. Ngoài ra nhãn phụ của Công ty còn ghi một số thông tin khác như: mác thép, khối lượng tịnh, ca sản xuất, tiêu chuẩn áp dụng, kích cỡ, số lô, số bó.

- *Về giá bán của sản phẩm*

Đại diện Công ty cổ phần Thép Việt Ý cho biết, họ có thể bán thép VIS có xuất xứ từ Trung Quốc và thép VIS sản xuất tại Việt Nam với giá thấp hơn giá thị trường một chút, nhưng áp dụng giá bán cho hai loại thép này là ngang nhau. Tuy vậy, đây cũng chưa phải là cơ sở để kết luận Công ty cổ phần Thép Việt Ý bán phá giá. Theo quy định hiện hành về pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam, biện pháp tự vệ này sẽ được áp dụng khi có hiện tượng thép Trung Quốc được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam với mức giá thấp, chiếm trên 3% tổng lượng nhập khẩu thép cây vào Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất thép có bằng chứng chứng minh các thiệt hại này (thiệt hại thực tế hoặc nguy cơ chắc chắn gây ra thiệt hại). Khi đó, Hiệp hội và các doanh nghiệp thép Việt Nam có quyền yêu cầu Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Thương mại) mở cuộc điều tra để xem xét việc áp dụng biện pháp tự vệ theo quy định Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 về tự vệ đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- | | |
|---|--|
| 1. LOẠI CỔ PHIẾU: | Cổ phiếu phổ thông; |
| 2. MỆNH GIÁ: | 10.000 VNĐ / 1CP; |
| 3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN: | 5.000.000 cổ phiếu (Năm triệu cổ phiếu), trong đó: |
| - <i><u>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</u></i> theo tỷ lệ 10:1 (Mười cổ phiếu cũ được hưởng một cổ phiếu mới). Nguồn sử dụng để chia cổ tức bằng cổ phiếu là từ lợi nhuận sau thuế năm 2006. Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn đến hàng chục. Số cổ phần được mua có số hàng đơn vị nhỏ hơn 10 sẽ giảm xuống 0 cổ phần. | 1.000.000 cổ phiếu |
| - <i><u>Chia cổ phiếu thưởng</u></i> theo tỷ lệ 25:1 (Hai mươi năm cổ phiếu cũ được hưởng một cổ phiếu mới). Nguồn sử dụng để chia cổ tức bằng cổ phiếu là từ quỹ đầu tư phát triển và từ lợi nhuận sau thuế năm 2006. | 400.000 cổ phiếu |
| - <i><u>Chào bán cho cổ đông hiện hữu</u></i> với giá chào bán mỗi cổ phiếu dự kiến là 10.000 VNĐ / 1CP. Cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ 25:9 (hai mươi năm cổ phiếu cũ được quyền mua thêm chín cổ phiếu mới) với giá chào bán mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. | 3.600.000 cổ phiếu |

Phương thức thanh toán dành cho việc chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Đối với các cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Nộp tiền theo quy định và đăng ký mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán mở tài khoản;
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Nộp tiền theo quy định và đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Thép Việt Ý.

6. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU: Dự kiến trong Quý II, Quý III/2007;

7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI:

Các thể nhân và pháp nhân nước ngoài sẽ được phép mua cổ phiếu của Công ty với tỷ lệ sở hữu tối đa là 49% trên tổng số cổ phiếu của Công ty niêm yết theo Quyết định 238/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/9/2005.

8. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG:

KHÔNG CÓ

9. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

9.1. Các quy định về thuế ưu đãi

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6868 BKH/DN ngày 11/10/2001 và Công văn số 4763 BKH/PTDN ngày 30/07/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2006.

Theo Quyết định số 721/QĐ-UB ngày 07/04/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép 250.000 tấn/năm của Công ty được ưu đãi cấp lại 10% phần thuế giá trị gia tăng mà ngân sách thành phố được hưởng từ số thuế giá trị gia tăng mà Công ty đã nộp Ngân sách thành phố trong 02 năm đầu và 5% trong 02 năm tiếp theo, kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

9.2. Thuế liên quan đến tổ chức chào bán cổ phiếu

Công ty cổ phần Thép Việt Ý đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn 11924-TC/CST về thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết quy định. Theo đó các tổ chức có chứng khoán được niêm yết lần đầu được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Năm giảm thuế được xác định phù hợp với kỳ tính thuế và thời gian giảm thuế được tính liên tục từ kỳ tính thuế mà tổ chức có chứng khoán được niêm yết. Trường hợp thời gian giảm thuế của năm đầu chưa đủ 12 tháng do thời điểm niêm yết không từ đầu năm thì tổ chức niêm yết được giảm thuế trong kỳ tiếp theo.

9.3. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán qui định:

- Các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập: gồm các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực (trừ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ) có thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, như doanh nghiệp Nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, tham gia đầu tư chứng khoán. Hoạt động đầu tư chứng khoán của các tổ chức này là hoạt động tài chính, do vậy thu nhập từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tính thuế phải gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định chung.
- Các tổ chức khác (trừ tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập nói trên, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán) kể cả quỹ đầu tư của nước ngoài chỉ mở tài khoản tại Việt Nam mà không có sự hiện diện tại Việt Nam tham gia đầu tư chứng khoán: thực hiện nộp thuế TNDN theo phương thức khoán. Số thuế phải nộp được xác định bằng 0,1% tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng.
- Các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ: Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu (trừ trái phiếu được miễn thuế theo qui định của pháp luật) từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ được tính vào “doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế”.
- Các cá nhân đầu tư chứng khoán: bao gồm các cá nhân trong và ngoài nước đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo qui định hiện hành.

10. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý



Số tài khoản: 46610000003420 mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phố nổi, tỉnh Hưng Yên.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích chào bán cổ phiếu là nhằm huy động vốn xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép với công suất 400.000 tấn/năm tại khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nhà máy sẽ sản xuất ra các sản phẩm phôi thép các loại 20MnSi, 25MnSi, 42MnSi, 45MnSi, Q215 - A234 có mặt cắt 130 x 130; dài 6 m, 12 m.

Công nghệ sử dụng tại nhà máy là công nghệ lò điện hồ quang nạp liệu liên tục ngang thân lò (công nghệ Consteel do tập đoàn Techint giữ bản quyền). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới với quá trình nấu luyện ngắn, cho năng suất cao, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như: điện năng, than điện cực, gạch chịu lửa, tiêu hao kim loại ... đều thấp hơn so với lò điện thông thường. Đặc biệt, chi phí nấu luyện giảm từ 8 - 10 USD/tấn phôi tạo sức cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

2.1 Tổng mức đầu tư của dự án

Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã phối hợp với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Máy thiết bị Tư Xuyên (SMEC) và Viện nghiên cứu thiết kế của Tập đoàn gang thép FAN ZHI HUA lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi. Báo cáo khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án được thẩm định bởi Công ty tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng (THIKECO). Theo đó, tổng mức đầu tư của dự án bao gồm:

Bảng 28. Tổng mức đầu tư của dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Hải Phòng

STT	Hạng mục	Giá trị (VNĐ)
1.	Xây lắp	164.048.928.300
2.	Thiết bị	310.864.647.630
3.	Chi phí khác	95.810.301.239
3.1	<i>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</i>	<i>3.324.845.588</i>
3.2	<i>Giai đoạn thực hiện đầu tư</i>	<i>31.199.924.608</i>
3.2	<i>Dự phòng (5%)</i>	<i>27.177.327.484</i>
3.4	<i>Lãi vay trong thời gian xây dựng</i>	<i>33.710.990.290</i>
4.	Vốn lưu động	25.750.042.000
TỔNG		596.473.919.169

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý

2.2 Hiệu quả kinh tế của dự án

Cũng theo báo cáo nghiên cứu khả thi, hiệu quả của dự án bao gồm:

Bảng 29. Một số chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh tế của dự án nhà máy sản xuất phôi

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị
1	Hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR)	20,24%
2.	Giá trị hiện tại ròng (NPV)	376.970.344.000 VNĐ
3.	Thời gian thu hồi vốn đầu tư	6 năm
4.	Tỷ suất lợi nhuận bình quân trên vốn đầu tư	18,56%
5.	Số lượng lao động sử dụng	542 người
6.	Thu nhập bình quân	2.100.000 VNĐ/người/tháng

2.2 Nguồn vốn đầu tư cho dự án

Nguồn vốn đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép tại Hải Phòng sẽ được huy động từ 2 nguồn:

Bảng 30. Nguồn huy động vốn cho dự án nhà máy sản xuất phôi thép

STT	Hạng mục	Tỷ lệ (trên tổng vốn đầu tư)	Giá trị (VNĐ)
1.	Vốn vay	80%	440.106.883.019
2.	Vốn tự có huy động từ việc phát hành thêm cổ phiếu	20%	130.616.994.150

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý

Bảng 31. Một số cam kết hạn mức tín dụng cho dự án nhà máy sản xuất phôi thép

STT	Đối tác cho vay	Hạn mức (VNĐ)
1	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	79.891.157.500
2	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên.	79.230.900.000
3	Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	79.230.900.000
4	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	15.846.180.000
5	Ngân hàng TMCP Nông thôn Hải Hưng	9.903.862.500
TỔNG		264.103.000.000

Trên đây là các cam kết hạn mức tín dụng đã được ký kết giữa Công ty cổ phần Thép Việt Ý và các ngân hàng thương mại. Một số cam kết hạn mức tín dụng khác đang được tiếp tục đàm phán và ký kết.

2.3 Tình hình triển khai dự án

Ngày 10/05/2005, Bộ Công nghiệp đã có Công văn số 2367/CV-CNH về việc chấp thuận dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép của Công ty cổ phần Thép Việt Ý.

Ngày 18/11/2005, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có thông báo số 370/TB-UB về việc chấp thuận dự án xây dựng nhà máy phôi thép. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép cũng đã nhận được giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1842 GCN/UB ngày 07/04/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26/12/2005, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 2994/QĐ-UB về việc cho phép Công ty cổ phần Thép Việt Ý thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép. Tổng diện tích đất được giao là 18,7 ha. Đến nay, việc đền bù giải phóng mặt bằng đã được hoàn thành và Công ty đã nhận đất do địa phương bàn giao.

Về cơ sở hạ tầng, Công ty cổ phần Thép Việt Ý đã hoàn thành các hạng mục sau:

- Điện phục vụ cho sản xuất: Công ty Thép Việt Ý đã làm việc với Công ty Điện lực Hải Phòng và đã ký xong hợp đồng điện sản xuất. Hiện nay, Công ty Điện lực Hải Phòng đang triển khai dự án cấp điện cho dự án.
- Nước cho sản xuất: Phương án xây dựng trạm xử lý nước mặn, lấy nước từ kênh thủy nông đi qua mặt bằng dự án, xử lý đạt tiêu chuẩn nước công nghiệp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước trong quá trình sản xuất của nhà máy sau này. Hiện tại, Công ty đang chỉ đạo Phòng Quản lý dự án làm việc với các đơn vị tư vấn để đưa ra phương án hiệu quả nhất trình Công ty phê duyệt làm cơ sở thực hiện.
- Đường thi công: Ban Quản lý dự án các khu Công nghiệp Hải Phòng đã thiết kế, xin ý kiến thẩm định của các Sở, Ban ngành địa phương về con đường qua khu đất xây dựng nhà máy. Hiện tại đang chờ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp giấy phép đầu tư.
- Cảng bốc xếp nguyên vật liệu: Ủy ban Nhân dân thành phố đã đồng ý để Công ty cổ phần Thép Việt Ý xây dựng cảng chuyên dùng phục vụ cho nhà máy theo quy hoạch.

VII. SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2007, tổng lượng vốn mà Công ty cổ phần Thép Việt Ý dự kiến sẽ huy động được là 36 tỷ đồng. Toàn bộ số vốn huy động từ đợt phát hành này được sử dụng vào một số các hạng mục công việc của dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép (nêu tại Bảng 32 dưới đây). Trên thực tế, một số nội dung công việc được nêu đã được Công ty cổ phần Thép Việt Ý triển khai thực hiện nhằm kịp tiến độ của dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các đợt phát hành tiếp sau nhằm huy động đủ số vốn tự có cho việc xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép.

Bảng 32. Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Nội dung công việc	Chi phí (nghìn đồng)
1.	Phối hợp với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thiết bị Tư Xuyên và Viện nghiên cứu thiết kế - Tập đoàn gang thép FAN ZHI HUA lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép.	312.137
2.	Thuê Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng (THIKECO) thẩm định báo cáo khả thi.	65.036
3.	Tiền hành giải phóng mặt bằng và thực hiện đền bù cho 216 hộ dân theo Quyết định số 2994/QĐ-UB của thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất giao cho Công ty cổ phần Thép Việt Ý triển khai tiến hành dự án. Diện tích đất được giao là 18,7 ha.	9.730.434
4.	Đánh giá tác động môi trường, khảo sát địa chất phục vụ thiết kế kỹ thuật công trình.	185.449
5.	Thi công hoàn hiện hạng mục san nền và tường chắn cát.	50.000
6.	Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công các hạng mục thuộc dây chuyền sản xuất chính và các hạng mục phụ trợ	15.799.469
7.	Chi phí quản lý dự án	9.871.807
TỔNG		36.014.332

Nguồn: Công ty cổ phần Thép Việt Ý

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS)

Trụ sở chính: Tầng 17 Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04-9.360.023

Fax: 04-9.360.263

Chi nhánh: Số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08-8.208.116

Fax: 08-8.208.117

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Kiểm toán Việt Nam (Vaco)

Trụ sở chính: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04-8.524.123

Fax: 08-8.524.143/4119

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính Quý I/2007

Hưng Yên, ngày ____ tháng 04 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VŨ HUY QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN VÌ

NGUYỄN THANH HÀ